BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOBỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN TIẾN

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Hà Nội – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOBỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN TIẾN

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực
Mã ngành: 8340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN BÁ NGỌC

Hà Nội - 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG VI
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài 4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5
5. Phương pháp nghiên cứu và tiếp cận của đề tài 5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu 6
7. Kết cấu Luận văn 6
CHƯƠNG 1:NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN 7
1.1. Một số khái niệm cơ bản 7
1.1.1. Khái niệm việc làm 7
1.1.2. Khái niệm người có việc làm 8
1.1.3. Khái niệm lao động nông thôn 9
1.1.4. Khái niệm thất nghiệp 9
1.1.5. Khái niệm giải quyết việc làm 11
1.1.6. Thị trường lao động 12
1.1.7. Khái niệm về chính sách thị trường lao động 13
1.2. Các kênh giải quyết việc làm cho lao động nông thôn 14
1.2.1. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các chính sách phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương 15
1.2.2. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua chương trình giải quyết việc làm 17

1.2.3. Giải quyết việc làm qua hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 17
1.2.4. Giải quyết viêc làm qua hướng nghiệp, đào tạo nghề 18
1.2.5. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các hoạt động nhằm xúc tiến sự chắp nối thông tin cung - cầu về lao động 19
1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động nông thôn 20
1.3.1. Các nhân tố về điều kiện tự nhiên 20
1.3.2. Các nhân tố về kinh tế – xã hội 21
1.3.3. Các nhân tố thuộc về cung lao động 23
1.3.4.Các nhân tố thuộc về cơ chế chính sách 25
1.4. Kinh nghiệm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở một số địa phương 25
1.4.1. Kinh nghiệm của tỉnh Lào Cai 25
1.4.2. Kinh nghiệm tạo việc làm của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang 27
1.4.3. Bài học kinh nghiệm 28
CHƯƠNG 2:THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG 29
2.1. Khái quát về huyện Điện Biên Đông 29
2.1.1. Vị trí địa lý và thổ nhưỡng của huyện 29
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội 31
2.1.3. Quy mô dân số và cơ cấu lực lượng lao động nông thôn huyện Điện Biên Đông 36
2.1.4. Một số đặc điểm chủ yếu của các dân tộc thiểu số của huyện Điện Biên đông có ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn... 41
2.2. Thực trạng việc làm, thất nghiệp, thiếu việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông 43

2.2.1. Tình hình việc làm 43
2.2.2. Tình hình thất nghiệp 48
2.2.3. Tình hình thiếu việc làm 51
2.3. Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông 53
2.3.1. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các chính sách phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện 53
2.3.2. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm 58
2.3.3. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn qua Chương trình xuất khẩu lao động. 60
2.3.4. Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn qua công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. 61
2.3.5. Giải quyết việc làm thông qua các hoạt động chắp nối thông tin giữa người lao động với các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động 62
2.4. Ảnh hưởng của các nhân tố đến giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn huyện Điện Biên Đông 64
2.4.1. Khả năng giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương có hạn trong khi cung lớn hơn cầu về lao động hàng năm hiện nay 64
2.4.2. Giải quyết việc làm trong điều kiện tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương còn chậm 65
2.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực chưa gắn kết với giải quyết việc làm 66
2.4.4. Tâm lý của người lao động còn coi trọng việc làm ở khu vực kinh tế Nhà nước hơn khu vực kinh tế ngoài Nhà nước 67
2.4.5. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong điều kiện thị trường lao động còn chậm phát triển, thiếu gắn kết 68

2.5. Đánh giá chung về công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian qua..... 68
2.5.1. Những mặt đạt được..... 68
2.5.2. Những mặt hạn chế..... 70
2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế 71
CHƯƠNG 3:PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG..... 74
3.1. Phương hướng giải quyết việc làm cho lao động nông trên địa bàn huyện Điện Biên Đông..... 74
3.1.1. Các quan điểm cơ bản 74
3.1.2. Phương hướng cơ bản giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông 76
3.2. Những giải pháp chủ yếu giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian tới..... 82
3.2.1. Nhóm các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn..... 82
3.2.2.Giả pháp thực hiện có hiệu quả các chương trình vay vốn tạo việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn..... 91
3.2.3. Tạo việc làm cho lao động ở nông thôn qua nhiệm vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (xuất khẩu lao động)..... 93
3.2.4. Củng cố, nâng cao chất lượng của cơ sở dạy nghề, thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng cho lao động nông thôn 95
3.2.5.Giải pháp đẩy mạnh việc đầu tư, phát triển thị trường lao động trên địa bàn 98

3.2.6.Nhóm giải phát triển và đa dạng hóa các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, để tạo việc làm cho lao động ở nông thôn 101
KẾT LUẬN 105
KHUYẾN NGHỊ 108
2.1.Đối với Trung ương và tỉnh Điện Biên 108
2.2. Đối với cấp huyện 109
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 111

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Cơ cấu lao độnglàm vệc trên địa bàn huyện. 32
Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện giai đoạn 2014 - 2019 33
Bảng 2.3. Cơ cấu GRDP theo các ngành kinh tế..... 33
Bảng 2.4. Quy mô dân số huyện Điện BiênĐông những năm gần đây..... 36
Bảng 2.5. Cơ cấu lực lượng lao động ở nông thôn huyện Điện Biên Đông theo nhóm tuổi năm 2018..... 37
Bảng 2.6. Lao động nông thônchia theo trình độ học vấn qua các năm..... 38
Bảng 2.7. Dân số 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật..... 40
Bảng 2.8. Quy mô và cơ cấu lao động có việc làm qua các năm chia theo thành phần kinh tế của huyện 44
Bảng 2.9. Quy mô và cơ cấu lao động có việc làm qua các năm theo ngành kinh tế trên địa bàn huyện 45
Bảng 2.10. Số người và cơ cấu số người đủ 15 tuổi trở lên có việc làm trong 7 ngày qua chia theo loại hình kinh tế năm 2018..... 47
Bảng 2.11. Tình trạng thất nghiệp của lực lượng lao động trên địa bàn 48
huyện Điện Biên Đông..... 48
Bảng 2.12. Số lượng và tỷ lệ người thất nghiệp trong tuần lễ điều tra tính.... 49
theo khu vực..... 49
Bảng 2.13. Số người 15 tuổi trở lên thất nghiệp trong 7 ngày qua chia theo một số đặc điểm cơ bản của huyện Điện Biên Đông năm 2018 50
Bảng 2.14. Tình hình sử dụng thời gian làm trong dân số hoạt động kinh tế khu vực nông thôn trên địa bàn huyện..... 52
Bảng 2.15. Biểu tỷ lệ sử dụng thời gian lao động trong các nhóm tuổi của lao động nông thôn trên địa bàn 52

Bảng 2.16. Kết quả nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm mới cholao động nông thôn trên địa bàn huyện từ 2014 – 2018. 53
Bảng 2.17. Vốn Quốc gia thực hiện hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện từ năm 2014-2018 59
Bảng 2.18. Kết quả đưa lao động nông thôn trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ năm 2014-2018..... 60
Bảng 2.19. Tình hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn 62
huyện từ năm 2014-2018..... 62

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng là một trong những nội dung quan trọng được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện trong thời gian qua.Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 8 (khóa X) đã ban hành Nghị quyết về phát triển Nông nghiệp, nông thôn và nông dân; Chính phủ cũng triển khai mạnh mẽ Chương trình xây dựng nông thôn mới. Vấn đề này đặt ra không chỉ bởi tầm quan trọng của phát triển kinh tế nông thôn trong bối cảnh chung của đất nước mà còn vì nông thôn là nơi cư trú, sinh sống và làm ăn của một bộ phận lớn lao động và dân cư trong cả nước, hiện chiếm khoảng gần 80% dân số và 70% lực lượng lao động của cả nước. Với đặc thù khu vực nông thôn là vùng có dân số đông, trẻ của Việt Nam nên cũng là nơi tập trung chủ yếu của người lao động. Đặc điểm này là thế mạnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, song đồng thời nó cũng luôn tạo ra sức ép về việc làm cho toàn xã hội. Vì vậy vấn đề của các cấp chính là phải giải quyết việc làm, ổn định việc làm cho người lao động luôn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Hiện nay trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên hàng năm có khoảng 1.200 người bước vào độ tuổi lao động, trong khi đó huyện Điện Biên Đông là một trong56 huyện nghèo nhất của cả nước đang được hỗ trợ áp dụng các cơ chế, chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. Tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu vẫn là phát triển nông nghiệp, các doanh nghiệp phát triển chậm, chủ yếu là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh buôn bán nguyên vật liệu; huyện không có doanh nghiệp nào hoạt động

trong sản xuất hàng hóa nên việc giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn hàng năm rất hạn chế.

Sự tác động của việc gia tăng về dân số hàng năm, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp từ các trường cao đẳng, đại học, các trường dạy nghề, lao động xuất ngũ, lao động đi làm ở nước ngoài trở về, cùng với sự sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhà nước với hàng loạt lao động đang có nhu cầu bố trí việc làm đã dẫn đến sức ép về việc làm ngày càng tăng và bức bách hơn. Khi khả năng giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động trên địa bà huyện không đáp ứng nhu cầu của người lao động sẽ có hàng nghìn người rơi vào tình trạng thiếu việc làm và có việc làm nhưng việc làm nhưng không đầy đủ (thất nghiệp chá hình), tình trạng thất nghiệp. Trong những năm gần đây, tỷ lệ lao động thiếu việc làm (có việc làm không đầy đủ) tính theo số giờ làm việc quy định tại Điều 104 Luật số 10/2013/QH13 Bộ Luật lao động trên địa bàn huyện còn chiếm tỷ lệ cao, theo số liệu khảo sát điều tra phiếu của tác giả thì số người thiếu việc làm từ 4 giờ/ngày chiếm tới 30%, số người thiếu việc làm từ 2 giờ/ngày là 37,14%. Từ thực tế cho thấy, khi không có việc làm, thiếu việc làm, thất nghiệp, người lao động không có thu nhập cao, thu nhập không ổn định sẽ dễ rơi vào đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống thấp; không đủ ăn, đủ mặc, ít có điều kiện tiếp cận với các phúc lợi xã hội, giáo dục,đặc biệt là việc chăm sóc sức khỏe từ đó có thể nảy sinh các tệ nạn xã hội.

Không nằm ngoài quy luật đó, huyện Điện Biên Đông thuộc tỉnh Điện Biên, dù kinh tế đã có nhiều khởi sắc, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đã giảm, nhưng những năm gần đây, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn cao (tỷ lệ hộ nghèo đến hết năm 2018 là 55,48%), thu nhập bình quân đầu người thấp (12,5 triệu đồng/người/năm), tình hình về tệ nạn xã hội trên địa bàn còn cao (theo thống kê số người nghiện ma túy năm 2019 là 1.174người có hồ sơ quản lý chiếm 1,68% dân số trên địa bàn), khả năng giải quyết việc làm mới cho

lao động còn hạn chế, mỗi năm huyện mới giải quyết việc làm mới cho khoảng trên 700 lao động/năm.

Xuất phát từ thực tế địa phương và nhận thức được tầm quan trọng trong công tác giải quyết việc làm, tác giả chọn đề tài: *Giải quyết việc làm cho laođộng nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên* để làm luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Tính đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến nội dung về giải quyết việc làm nói chung và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nói riêng, cụ thể:

- Các giải pháp tài chính đối với vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam (2000) của tác giả Nguyễn Văn Dần. Tác giả đã nghiên cứu về vấn đề việc làm, thất nghiệp và vai trò của tài chính đối với việc giải quyết việc làm của đất nước. Thực trạng và định hướng sử dụng các công cụ tài chính để giải quyết việc làm ở Việt Nam và kinh nghiệm về giải quyết việc làm của một số nước.

Bài viết thị trường lao động Việt Nam: Định hướng và phát triển, của thạc sỹ Nguyễn Thị Lan Hương, Nsb, Lao động – xã hội, Hà nội, 2002. Tác giả đi từ việc phân tích các luận cứ cơ bản định hướng phát triển thị trường lao động Việt Nam, sự hình thành và phát triển của thị trường lao động Việt Nam. Thực trạng về thị trường lao động Việt Nam, cung vượt quá cầu gây sức ép mạnh về việc làm, đồng thời một tỷ lệ lớn lao động dư thừa trong nông thôn. Trình độ tay nghề người lao động không đáp ứng được cầu lao động, chất lượng lao động không đồng nhất với sự dồi dào về nhu cầu lao động. Từ đó đề xuất giải pháp phát triển thị trường lao động Việt Nam đến năm 2010 đối với cung lao động và cầu lao động.

Báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2011, tổng cục thống kê, Hà Nội năm 2012 đã cung cấp các số liệu đầy đủ về lực lượng lao động như: việc làm, thất nghiệp và các chỉ số lao động việc làm khác ở Việt Nam nói chung cũng như nông thôn Việt Nam nói riêng. Đây là cơ sở dữ liệu tốt để phân tích thực trạng việc làm nông thôn Việt Nam hiện nay.

Luận án Tiến sỹ của tác giả Ngô Quỳnh An năm 2012 "Tăng cường khả năng tự tạo việc làm có thanh niên Việt Nam" Luận án đã hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận nghiên cứu về tự tạo việc làm nói chung, tự tạo việc làm của thanh niên nói riêng và các yếu tố ảnh hưởng thông qua xây dựng lần đầu tiên khái niệm sâu và đầy đủ về "tự tạo việc làm", "khả năng tự tạo việc làm" và "tăng cường khả năng tự tạo việc làm". Luận văn đề ra các giải pháp để tăng khả năng tự tạo việc làm cho thanh niên nói chung. Tuy nhiên nghiên cứu này chưa chỉ rõ các biện pháp để thanh niên ở từng khu vực thành thị, nông thôn tự tạo việc làm phù hợp với đặc điểm của vùng, miền.

Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu khác đã đề cập đến vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nói riêng. Những nghiên cứu trên có các cách tiếp cận khác nhau về giải quyết việc làm cho người lao động do mỗi địa bàn, vùng miền khác nhau có những đặc thù khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của vấn đề việc làm,giải quyết việc làm, luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đôngthời gian qua, từ đó đề xuất những giải pháp giải quyết có hiệu quả việc

làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian tới.

Để thực hiện các mục tiêu trên, luận văn tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn làm căn cứ cho việc đánh giá thực trạng việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông.

- Đánh giá thực trạng giải quyết việc làm khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đề xuất giải pháp và hướng đi trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn: Là những vấn đề có liên quan việc làm cho người lao động

- Phạm vi nghiên cứu: Khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông.

- Thời gian nghiên cứu: Cơ bản các số liệu thực hiện thu nhập, nghiên cứu từ năm 2014 đến hết năm 2018, có một vài số liêu được nghiên cứu trong tháng 5 năm 2019 do tác giả tự điều tra thực tế.

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, các chủ thể nghiên cứu là người lao động, các doanh nghiệp, các đơn vị liên quan đến giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

5. Phương pháp nghiên cứu và tiếp cận của đề tài

Để đạt được mục đích nghiên cứu luận văn, tác giả sử dụng, kết hợp các phương pháp như:

- Thu thập thông tin, thống kê so sánh, phân tích tổng hợp nhằm mô tả thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động, đồng thời tiến

hành tham khảo, xin ý kiến các chuyên gia về việc làm, dạy nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, ý kiến của các đồng chí là lãnh đạo thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về việc làm trên địa bàn huyện và các nhà khoa học.

- Cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Làm sáng tỏ hơn cơ sở lý luận về giải quyết việc làm cho người lao động.

- Qua việc phân tích thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Đề tài đã chỉ rõ những mặt mạnh, mặt yếu của công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện trong thời gian qua, đồng thời đề xuất một số giải pháp, hướng đi mới nhằm góp phần tạo việc làm cho người lao động nông thôn trong thời gian tới có tính khả thi. Đề tài còn là cơ sở tham khảo cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo cho cấp ủy đảng, chính quyềncác cấp trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện về mặt thực tiễn.

7.Kết cấu Luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục và 3 chương.

- **Chương 1**.Những vấn đề chung về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

- **Chương 2**. Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông từ năm 2014 đến nay.

- **Chương 3**. Phương hướng và giải pháp chủ yếu giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.Việc làm

Nói đến việc làm là nói đến vai trò của con người trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Để đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống, người lao động phải thông qua hoạt động sản xuất, chính là người lao động có việc làm. Tuy vậy khái niệm về việc làm lại có sựkhác nhau, tuỳ vào từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Luận văn này tác giả sử dụng khái niệm việc làm được quy định trong Bộ Luật Lao động năm 2012của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa việt Nam. Theo Bộ Luật này thì "Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm".

Với khái niệm về việc làm như trên thì hoạt động được xác định là việc làm bao gồm:

- Làm các công việc được trả công dưới dạng bằng tiền hoặc bằng hiện vật.

- Những công việc do bản thân tự làm để mang lạithu nhập cho gia đình mình nhưng không được trả công bằng tiền hoặc bằng hiện vật cho công việc đó.

Phân loại việc làm

Căn cứ vào thời gian thực hiện công việc. Tổ chức lao động quốc tế phân chia "việc làm" thành các loại:

- Việc làm ổn định và việc làm tạm thời: Căn cứ vào số thời gian có việc làm thường xuyên trong một năm.

- Việc làm đủ thời gian và việc làm không đủ thời gian: Căn cứ vào số giờ thực hiện công việc trong một tuần.

- Việc làm chính và việc làm phụ: Căn cứ vào khối lượng thời gian hoặc mức độ thu nhập trong việc thực hiện một công việc nào đó.

1.1.2. Người có việc làm

Khái niệm người có việc làm được Tổ chức Lao động quốc tế ILO sử dụng là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, trong tuần lễ liền kề trước thời điểm điều tra có thời gian làm việc không ít hơn một mức chuẩn quy định.

Như vậy khái niệm người có việc làm như trên có thể khác nhau giữa nước này và nước khác phụ thuộc vào quốc gia đó quy định mức chuẩn để được coi có việc làm là bao nhiêu. ILO khuyếnnghị mức chuẩn này nên là một giờ, nhưng ở nhiều nước sử dụng mức chuẩn này là 8 giờ. Khái niệm người có việc làm ở Việt Nam mà Tổng cục Thống kê sử dụng thì mức chuẩn này là 1 giờ.

Riêng với những người trong tuần lễ tham khảo không có việc làm vì các lý do bất khả kháng hoặc do nghỉ ốm, bị thai sản, nghỉ phép, nghỉ hè, đi học có hưởng lương, nhưng trước đó họ đã có một công việc nào đó với thời gian thực tế làm việc không ít hơn mức chuẩn quy định cho người được coi là có việc làm và họ sẽ tiếp tục trở lại làm việc bình thường sau thời gian tạm nghỉ, vẫn được tính là người có việc làm.

Căn cứ vào chế độ làm việc, thời gian thực tế và nhu cầu làm thêm của người lao động được xác định là có việc làm trong tuần lễ trước điều tra. Người có việc làm chia thành hai nhóm: Người đủ việc làm và người thiếu việc làm.

- Người đủ việc làm: Là người có số giờ làm việc trong tuần lễ tham khảo lớn hơn hoặc bằng 36 giờ nhưng không có nhu cầu làm thêm, hoặc có số giờ làm việc nhỏ hơn 36 tiếng nhưng bằng hoặc lớn hơn số giờ quy định đối với người làm các công việc nặng nhọc, độc hại.

- Người thiếu việc làm: Là người có số thời gian làm việc trong tuần lễ tham khảo dưới 36 giờ, hoặc ít hơn giờ chế độ quy định đối với các công việc nặng nhọc, độc hại, có nhu cầu làm thêm giờ và sẵn sàng làm việc khi có việc.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng phân tích sâu hơn về thiếu việc làm. Theo họ, thiếu việc làm có thể xét về thời gian làm việc và xét cả về công việc đang làm so với khả năng của họ. Theo đó, người đủ việc làm là người làm đủ thời gian và công việc đang làm phát huy hết năng lực và kỹ năng của người đó. Người thiếu việc làm có thể chia làm hai loại: thiếu việc làm nhìn thấy (visible underemployment) là những người làm không đủ thời gian; và thiếu việc làm không nhìn thấy (invisible underemployment) là những người làm những công việc không sử dụng hết năng lực, kiến thức, kỹ năng họ có; ví dụ những người có trình độ đại học phải làm những công việc giản đơn, không gắn với chuyên môn mà họ được đào tạo. Thiếu việc làm nhìn thấy do không làm đủ thời gian gây lãng phí trong sử dụng nguồn nhân lực, nhưng sự lãng phí này nhân lên gấp bội khi tồn tại phổ biến hiện tượng thiếu việc làm không nhìn thấy.

1.1.3. Lao động nông thôn

Lao động nông thôn là một bộ phận của dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trọng độ tuổi lao động theo quy định của pháp Luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn lao động ở nông thôn, bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động đang làm việc và những người thất nhiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

1.1.4. Thất nghiệp

Thất nghiệp là hiện tượng của những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc nhưng hiện tại không tìm kiến được

việc làm. Người thất nghiệp bao hàm cả những người đang chờ đợi trở lại làm việc và không được trả lương.

Người thất nghiệp, theo khái niệm dùng trong Điều tra lao động việc làm hàng quý do Tổng Cục Thống kê Việt Nam tiến hành được định nghĩa là người đủ 15 tuổi trở lên thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế, mà trong tuần lễ trước điều tra không có việc làm và có nhu cầu làm việc nhưng không tìm được việc.

Phân loại thất nghiệp

Thất nghiệp là hiện tượng phức tạp cần được phân loại để hiểu rõ về nó. Thông thường khi phân tích hiện tượng thất nghiệp người ta thường phân tích tình trạng thất nghiệp theo lứa tuổi (tuổi, nghề); thất nghiệp chia theo vùng lãnh thổ (thành thị, nông thôn); giới tính (nam, nữ); thất nghiệp chia theo ngành nghề; thất nghiệp chia theo dân tộc...

Căn cứ vào thời gian thất nghiệp, người thất nghiệp được chia thành: Thất nghiệp ngắn hạn và thất nghiệp dài hạn, trong đó:

- Thất nghiệp ngắn hạn: Là thất nghiệp liên tục từ dưới 12 tháng tính từ ngày đăng ký thất nghiệp hoặc từ thời điểm điều tra trở về trước.

- Thất nghiệp dài hạn: Là người thất nghiệp liên tục từ 12 tháng trở lên tính từ ngày đăng ký thất nghiệp hoặc từ thời điểm điều tra trở về trước.

Phần lớn các nước trên thế giới hiện nay đều sử dụng khái niệm trên để xác định người thất nghiệp. Tuy nhiên cũng có sự khác biệt khi xác định về thời gian không có việc làm.

Trong phân loại cơ cấu các thị trường lao động hiện nay, thất nghiệp phân ra thành 3 loại khác nhau: Thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp có tính cơ cấu và thất nghiệp theo chu kỳ.

Thất nghiệp tạm thời: Do sự di chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các công việc hoặc là các giai đoạn ngắn của cuộc sống.

Tình trạng thất nghiệp tạm thời diễn ra ngay trong nền kinh tế có đầy đủ việc làm vẫn luôn có một số chuyển động nào đó do người lao động thường đi tìm việc làm khi tốt nghiệp các trường, hoặc chuyển đến một nơi sinh sống mới. Tình trạng phụ nữ có thể quay trở lại tham gia lao động sau khi có con. Thất nghiệp tạm thời hiện nay còn do tình trạng người lao động chuyển từ những công việc có thu nhập hoặc mức độ hài lòngvề công việc chưa cao sang những công việc mới tốt hơn, người ta thường cho rằng họ là những người thất nghiệp tự nguyện.

Thất nghiệp chu kỳ là tình trạng thất nghiệp xảy ra khi có sự giảm sút của hoạt động kinh doanh trong giai đoạn suy thoái hay đình trệ của chu kỳ kinh doanh.

Thất nghiệp có tính cơ cấu xảy ra khi có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động trên thị trường lao động, sự mất cân đối này có thể diễn ra vì mức cầu đối với một loại lao động tăng lên trong khi mức cầu đối với một loại lao động khác giảm đi, trong khi đó mức cung không được điều chỉnh nhanh chóng. Như vậy trong thực tế xảy ra sự mất cân đối trong các ngành nghề hoặc giữa các vùng lãnh thổ do một số lĩnh vực phát triển hơn so với một số lĩnh vực khác và do quá trình đổi mới công nghệ.

1.1.5. Giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm cho người lao động là quá trình các cơ quan đại diện quản lý Nhà nước được giao phụ trách và các doanh nghiệp (người sử dụng lao động)bằng nhiều chính sách và biện pháp khác nhau đã thiết lập các điều kiện để kết nối người lao động với các nhân tố sản xuất khác, thực hiện quá trình sản xuất. Quá trình này được duy trì thường xuyên và lặp đi, lặp lại không ngừng nhằm duy trì, mở rộng quy mô sản xuất.

Hiện nay hoạt động giải quyết việc làm đối với lao động nông thôn chủ yếu từ các hoạt động như:

- Phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương;

- Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư để tạo gia việc làm mới, việc làm tốt hơn cho người lao động;

- Giải quyết việc làm thông qua các chương trình cho vay vốn tạo việc làm, hướng nghiệp;

- Giải quyết việc làm qua hoạt độngđào tạo nghề; tổ chức thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm;

- Giải quyết việc làm qua hoạt động liên kết, kết nối trực tiếp người lao động với các doanh nghiệp để đưa người lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài địa bàn;

- Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Giải quyết việc làm cũng có thể hiểu là quá trình đưa người lao động vào làm việc, tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự kết hợp giữa tư liệu sản xuất và sức lao động.

1.1.6. Thị trường lao động

Thị trường lao động là nơi diễn ra quan hệ thương lượng về việc làm giữa người lao động (cung lao động) và người sử dụng lao động (cầu lao động) theo nguyên tắc thỏa thuận về việc làm, tiền công và các điều kiện làm việc khác bằng hình thức hợp đồng lao động theo pháp luật lao động quy định.

Trong mỗi xã hội, nơi nào xuất hiện nhu cầu sử dụng lao động và có nguồn lao động cung đáp ứng cho nhu cầu sử dụng lao động, ở đó sẽ hình thành nên thị trường lao động. Trong nền kinh tế thị trường, người lao động muốn tìm việc phải thông qua thị trường lao động.

Về mặt thuật ngữ, **thị trường lao động** thực chất phải được hiểu là **thị trường sức lao động** để phù hợp với khái niệm của tổ chức lao động quốc

tế.Thị trường lao động là một lĩnh vực của nền kinh tế, nó bao gồm toàn bộ các quan hệ lao động được xác lập trong lĩnh vực mua bán, trao đổi và thuê mướn sức lao động. Trên thị trường lao động, mối quan hệ được thiết lập giữa một bên là người lao động và một bên là người sử dụng lao động. Qua đó, cung-cầu về lao động ảnh hưởng tới tiền công lao động và mức tiền công lao động cũng ảnh hưởng tới cung- cầu lao động.

1.1.7. Chính sách thị trường lao động

Chính sách thị trường lao động là các công cụ can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của thị trường lao động nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo tốt hơn cơ hội việc làm cho người lao động, cung cấp việc làm tương xứng hơn với khả năng và đem lại thu nhập cao hơn cho người lao động. Lý thuyết và thực tiễn áp dụng các chính sách thị trường lao động cho thấy có thể chia chúng thành hai nhóm chính sách cơ bản là: chính sách thị trường lao động chủ động và chính sách thị trường lao động bị động..

a) Chính sách thị trường lao động chủ động

Chính sách thị trường lao động chủ động là các biện pháp do Chính phủ đề xướng nhằm ngăn ngừa nạn thất nghiệp và thiếu việc làm, cụ thể là nhằm các mục tiêu: thứ nhất, tạo mở việc làm và tăng thu nhập; thứ hai, điều hòa cầu về lao động; thứ ba, nâng cao công bằng xã hội. Cho đến nay, trên thế giới đã có nhiều loại hình chính sách thị trường lao động chủ động được thiết kế và áp dụng. Trong đó, phổ biến nhất là các biện pháp như: hỗ trợ tìm kiếm việc làm (dịch vụ việc làm); đào tạo về thị trường lao động; hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp; các chương trình tạo việc làm chuyên biệt cho các nhóm lao động khác nhau....

b) Chính sách thị trường lao động thụ động

Chính sách thị trường lao động thụ động là các chính sách hỗ trợ thu nhập cho người lao động bị thất nghiệp. Mục tiêu của chính sách này là điều

hòa mức tiêu dùng, giảm bớt các bức bách về tài chính cho những người lao động bị thất nghiệp; đảm bảo sự công bằng trong phân phối (giảm bớt mức chênh lệch về thu nhập giữa người đang có việc và người không có việc, nhất là những người không có việc dài hạn), thúc đẩy việc tái cơ cấu trong các doanh nghiệp.Hiện nay đã có nhiều loại hình chính sách này được áp dụng, nhưng được bàn đến nhiều nhất là các chính sách về bồi dưỡng thất nghiệp; chính sách trợ cấp thất nghiệp; chính sách cho về hưu trước thời hạn; chính sách bảo hiểm thất nghiệp.Ở một số nước phát triển (như ở Hồng Kông), chương trình mở tài khoản tiết kiệm cá nhân bảo hiểm thất nghiệp được khuyến khích sử dụng và đang ngày càng có ảnh hưởng tốt.

1.2. Các kênh giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

Nội dung giải quyết việc cho lao động nông thôn là khá rộng và phức tạp vì nó bao hàm cả khía cạnh cung cầu lao động và những biện pháp của chủ thể quản lý thị trường lao động là Nhà nước, các cơ quan đại diện trong quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực lao động – việc làm.

Tạo việc làm là trách nhiệm của xã hội và sự nỗ lực của người lao động hướng tới mục đích cân bằng thị trường lao động, giúp người lao động có việc làm, thu nhập đáp ứng nhu cầu để sinh sống và phát triển của người lao động và xã hội. Xã hội có nhu cầu thuê lao động bao nhiêu và loại lao động nào tùy thuộc vào số lượng và chất lượng sản phẩm mà họ cần thỏa mãn thị trường.

Giải quyết việc làm cho người lao động trước hết phải xuất phát từ thực trạng lao động việc làm ở khu vực nông thôn, bao gồm các nội dung về đánh giá tình hình việc làm cho lao động của địa phương trong từng thời kỳ bao gồm quy mô, cơ cấu và chất lượng của nguồn lao động; khả năng thu hút lao động của nền kinh tế địa phương; sự cân đối cung và cầu lao động qua đó thấy được thực trạng việc làm, thiếu việc làm, mất cân đối giữa chất lượng, kỹ

năng của người lao động với nhu cầu đòi hỏi của thị trường lao động hiện có, thất nghiệp, nhu cầu giải quyết việc làm.

Với thực trạng lao động việc làm như vậy đòi hỏi phải thực hiện các chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hỗ trợ giải quyết việc làm thông qua các chương trình cho vay vốn tạo việc làm, dạy nghề và hướng nghiệp, tổ chức cung cấp thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm.

1.2.1. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các chính sách phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương

Một trong những mô hình kinh tế kinh điển là mô hình hay hàm sản xuất Cobb-Douglass, trong đó tổng sản phẩm xã hội là hàm số của Vốn và Lao động.Sau này, người ta phát triển và đưa vào biến số công nghệ, với cách thức biểu diễn như sau:

$$Y = C^{\alpha} L^{\beta} T^{\gamma}$$

Trong đó, Y là Tổng sản phẩm, C là nguồnvốn, L là lao động, T là Công nghệ (hay trình độ công nghệ và α, β, γ là các hệ số thể hiện sự co giãn của Vốn, Lao động và Công nghệ đối với Tổng sản phẩm.

Mô hình kinh tế này cho thấy khi sản xuất phát triển, tổng sản phẩm tăng 1% thì vốn cần tăng α%, hoặc lao động tăng β%, hoặc trình độ công nghệ tăng γ%. Điều đó có nghĩa là muốn tạo ra việc làm mới thì không thể không gia tăng sản xuất, hay nói cách khác không phát triển kinh tế thì không thể giải quyết được việc làm mới, thu hút thêm lao động.

Mặt khác, không thể chỉ phát triển kinh tế theo chiều rộng, tức chỉ dựa vào tăng nguồn vốn và tăng lực lượng lao động, không thể "đổi gia tăng vốn và lao động lấy phát triển" mà cần ứng dụng các thành tựu trong khoa học và công nghệ để tránh tụt hậu, tránh "bẫy thu nhập trung bình". Nói cách khác,

phải có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển những ngành nghề mới, tạo ra các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của một nền kinh tế mở mới có khả năng sử dụng hết số lao động dồi dào của khu vực nông thôn. Chỉ gia tăng quy mô kinh tế theo chiều rộng thì việc thu hút lao động đến một ngưỡng nào đó sẽ dừng lại do số lượng sản phẩm với chủng loại hạn chế sẽ dư thừa. Vì vậy, nếu không chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng không thể giải quyết được việc làm cho lao động tại khu vực nông thôn.

Đặc điểm của lao động khu vực nông thôn trong những giai đoạn đầu của quá trình phát triển là tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp; cung cấp các mặt hàng nông sản. Đa phần lao động nông thôn có thể tham gia các ngành nghề thủ công truyền thống. Đặc trưng chính của lao động trong giai đoạn này chủ yếu là tự làm trong lĩnh vựcnông nghiệp, nơi có đòi hỏi về tay nghề, kỹ thuật không cao bằng việc làm trong các doanh nghiệp, thu nhập thấp hơn; về năng suất lao động không cao, không tham gia vào các hệ thống an sinh xã hội như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghệp...

Đối với hoạt động chuyển dịch cơ cấu về cây trồng, vật nuôi tại ngay chính khu vực nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa chuyên canh để cung cấp cho các nhà máy, cho thị trường trong nước, phục vụ cho công tác xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài sẽ mang lại thu nhập cao, công việc ổn định sẽ tác động làm thay đổi bộ mặt của nông thôn, đây mới là hướng đi lâu dài của khu vực nông thôn trong công tác giải quyết việc làm, ổn định dân cư, đảm bảo về an ninh quốc phòng.

Phát triển các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn sẽ hình thành các quan hệ lao động mới. Các doanh nghiệp hoạt động theo các quy định của pháp luật như tiền lương tối thiểu, thang, bảng lương được xây dựng theo các nguyên tắc do Nhà nước quy định, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp; người lao động được tham gia tổ chức công đoàn và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Mặt khác, phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn cũng là tạo cơ hội để sản xuất ra những sản phẩm mớiđể đáp ứng nhu cầu của người dân tại địa phương mà còn có thể cung cấp cho nhu cầu của người dân các địa phương khác, hoặc xuất khẩu.

Vì vậy việc chuển dịch cơ cấu về cây trồng, vật nuôi,phát triển doanh nghiệp là một hướng ưu tiên trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn xét dưới hai góc độ: việc làm nhiều hơn và việc làm tốt hơn.

1.2.2. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua chương trình giải quyết việc làm

Trong cơ chế thị trường, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm là hiện tượng phổ biết, đối với khu vực nông thôn tình trạng thiếu việc làm "việc làm không đầy đủ hay việc làm nhỏ hơn 36 giờ trong 1 tuần" là khá phổ biến. Những người lao động thất nghiệp hoặc thiếu việc làm cần được hỗ trợ để có thể tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm thêm. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng do nguyên nhân thiếu vốn mà không thể mở rộng sản xuất, thu hút lao động, giải quyết việc làm. Rất nhiều nước đã triển khai các quỹ tín dụng để hỗ trợ người lao động và cơ sở sản xuất. Ở Việt Nam, ngay từ những năm 90 đã hình thành Quỹ quốc gia xúc tiến việc làm; và khi ban hành Bộ Luật Lao động (năm 1995) đã quy định trong Luật là Nhà nước tổ chức Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm. Liên tục trong nhiều năm, hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm được xem là một trong những giải pháp tạo việc làm có hiệu quả.

1.2.3. Giải quyết việc làm qua hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Hiện nay, việc đưa người lao động trong nước ra nước ngoài làm việc là hoạt động kinh tế xã hội phổ biến của mọi địa phương trong cả nước. Nhất

là những vùng nông thôn có điều kiện về kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, vấn đề tạo việc làm qua hình thức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã giải quyết tình trạng lao động dư thừa ngay tại nông thôn và mang lại được nguồn ngoại tệ quan trong về địa phương để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Vì vậy, biện pháp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài là hoạt động cơ bản trong phát triển kinh tế, là giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết việc làm cho lao động. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài còn có thể giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ lao động có tay nghề cần cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo điều kiện phát triển bền vững sau này khi người lao động trở về địa phương.

1.2.4. Giải quyết viêc làm qua hướng nghiệp, đào tạo nghề

Tại Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn thể hiện rõ quan điểm và định hướng của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội đối với nông thôn Việt Nam trong chiến lược tổng thể phát triển đất nước, trong đó nêu rõ: "giải quyết việc làm cho người nông dân là nhiệm vụ xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế xã hội của cả nước; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị".

Để cụ thể hóa chương trình hành động, ngày 27/11/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". Mục tiêu tổng quát của Đề án là bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động nông thôn. Đây là đề án lớn nhất trong lĩnh vực đào tạo nghề từ trước đến nay cả về nội dung, quy mô và nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai

đoạn 2010 – 2020". Đây là chương trình tổng thể về phát triển kinh tế- xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng ở nông thôn. Để đạt tiêu chí về nông thôn mới, các xã phải đạt được 19 tiêu chí, trong đó có nội dung đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu Lao động nông thôn, đó là những chính sách, giải pháp đồng bộ để phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề để đạt được kết quả thì tiêu chuẩn cuối cùng là người lao động sau khi hoàn thành khóa đào tạo phải có được việc làm theo nhu cầu của người lao động. Để đạt được mục tiêu ấy cần đưa các thông tin thị trường lao động đang cần tới người lao động;các thông tin này giúp cho người học nghề có thể lựa chọn nghề học mà sau này có cơ hội được việc làm; giúp cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo sát nhu cầu của thị trường, từng bước nâng cao hiệu quả đào tạo, tránh hình thức, tiêu tiền ngân sách của Nhà nước.

1.2.5. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các hoạt động nhằm xúc tiến sự chắp nối thông tin cung - cầu về lao động

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, liên kết, hội nhập sâu rộng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay... đem lại những cơ hội nhưng đồng thời cũng đưa tới những thách thức lớn đối với người lao động trong giải quyết việc làm. Để đảm bảo phát triển hài hoà, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động hiện có; hoạt động tư vấn việc làm, kết nối người lao động với người sử dụng lao động để sử dụng tối ưu nguồn lao động hiện có, hạn chế thất nghiệp, giúp người lao động đang trong tình trạng thất nghiệp nhanh chóng tìm được việc làm, giảm thời gian thất nghiệp; giúp doanh nghiệp nhanh chóng tìm được nguồn lao động cần tuyển, giảm các vị trí việc làm trống, ảnh hưởng đến kế hoạchsản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

1.3.1. Các nhân tố về điều kiện tự nhiên

Lao động khu vực nông thôn chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp và phụ thuộc chủ yếu vàođiều kiện tự nhiên, bao gồm:

+ Vị trí địa lý:

Những vùng thuận lợi là những vùng gần các trung tâm đô thị, các trung tâm kinh tế và văn hoá, các tuyến đường giao thông sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận với các thông tin khoa học kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá và dịch vụ cũng như mua sắm các vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Ngược lại, đối với những vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh, cách xa các trung tâm kinh tế và văn hoá thường rất khó khăn trong việc phát triển sản xuất hàng hoá, nên hoạt động sản xuất thuần nông là chính, trình độ sản xuất, tiếp cận các tiến bộ của khoa hoạc cũng hạn chế hơn dẫn tới thu nhập thấp.

+ Điều kiện về đất đai, địa hình:

Những vùng trung du, miền núi (đặc biệt là khu vực miền núi) có địa hình hiểm trở bị chia cắt mạnh do đó rất khó khăn trong việc phát triển các tuyến đường giao thông và làm các công trình thuỷ lợi. Việc áp dụng máy móc kỹ thuật cũng còn hạn chế do đất đai bị chia cắt manh mún, khó áp dụng các máy móc hiện đại. Vì vậy, năng suất lao động thấp, hạn chế trong khả năng giao thương hàng hóa và tiếp cận với thị trường, chi phí cho vận chuyển hàng hóa tốn kém hơn dẫn tới sản phẩm làm ra thường bị các tư thương ép giá dẫn tới giá thành dẻ, thu nhập của người lao động thấp hơn.

+ Điều kiện khí hậu, thuỷ văn:

Đối tượng của sản xuất nông,lầm, ngư nghiệp bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các điều kiện về khí hậu và thuỷ văn, nó có vai trò quan trọng trong phát

triển nông nghiệp. Các vùng có khí hậu thuận lợi, hệ thống tưới tiêu tốt sẽ mang lại năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt hiệu quả cao, mang lại thu nhập cao hơn cho người lao động. Ngược lại những vùng có nhiều yếu tố bất lợi về khí hậu, thời tiết, nguồn nước sẽ khó khăn trong phát triển sản xuất và từ đó ảnh hưởng tới thu nhập và đời sống của người dân. Những vùng có điều kiện khó khăn điển hình là khu vực miền Trung, miền núi và trung du Bắc Bộ. Sự biến đổi về môi trường trong những năm gần đây đã tạo ra những thất thường của thời tiết như hạn hán, lũ, bão, tình trạng sương muối... gây rất nhiều thiệt hại cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân tại các vùng nông thôn. Để hạn chế thiệt hại của những hiện tượng này cần phải có hệ thống thông tin dự báo hiện đại để có phương án phòng, chống thiên tai có hiệu quả .

1.3.2. Các nhân tố về kinh tế – xã hội

Nhóm các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng nhiều đến tình trạng việc làm và thu nhập của lao động nông thôn bao gồm:

- Mức độ hoàn thiện của hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đây là nhóm yếu tố có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trước hết là hệ thống về đường giao thông, các công trình thuỷ lợi, hệ thống thông tin. Hệ thống đường giao thông thuận lợi sẽ giảm chi phí vận tải, thuận lợi cho giao lưu kinh tế và văn hoá với các vùng khác, từ đó dầndầnhình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá và phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp.

Hệ thống điện, thông tin lên lác sẽ giúp cho người dân có khả năng trang bị máy móc kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thuận lợi trong việc tiếp thu những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật mới, trình độ dân trí của người dân ngày được nâng cao.

- Nguồn vốn đầu tư cho sản xuất là yếu tố quan trọng tác động đến hệu qủa giải việc làm cho lao động nông thôn.

Để phát triển kinh tế cần phải có được nguồn vốn đầu tư cho sản xuất và làm cho quá trình sản xuất, kinh doanh đạt được hiệu quả, mang lại lợi nhuận. Với thực tiễn phát triển kinh tế ở nông thôn hiện nay, đa phần các hộ nông dân đều thiếu vốn sản xuất,đặc biệt với các hộ gia đình trẻ mới tách hộ thì tình trạng thiếu vốn càng phổ biến hơn. Do vậy, để tạo thêm được việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn thì cần phải có các chính sách hỗ trợ, giúp đỡ người nông dân, đặc biệt quan trọng trong khâu huy động nguồn vốn vào sản xuất, đồng thời trang bị kiến thức về tay nghề, chuyên môn cho người lao động khu vực nông thôn; nâng cao khả năng quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó Nhà nước cũng cần có nhiều chính sách hơn trong vấn đề cho vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và tăng thu nhập.

- Nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp, người sử dụng lao động cho chúng ta biết lượng lao động mà doanh nghiệp, người sự dụng lao động sẵn lòng và mong muốn thuê mướn tương ứng với mỗi mức lương nhất định.

Doanh nghiệp cần lao động như một yếu tố đầu vào. Nó được sử dụng cùng với các yếu tố sản xuất khác để tạo ra các hàng hóa hay dịch vụ đầu ra mà doanh nghiệp mong muốn. Khi mua sắm các đầu vào lao động, doanh nghiệp không “mua” hẳn những người công nhân mà chỉ mua khả năng làm việc của họ trong những khoảng thời gian nhất định. Nói cách khác, doanh nghiệp chỉ mua dịch vụ lao động chứ không phải bản thân người lao động. Đối với thị trường lao động, hoạt động mua bán ở đây thực chất là hoạt động thuê mướn (doanh nghiệp là người đi thuê, còn người lao động là người cho thuê). Đối tượng mua bán là dịch vụ lao động – sự phục vụ của người công nhân trong một khoảng thời gian nào đó, thường được đo bằng số giờ lao động, số ngày chẳng hạn.

- Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của từng dân tộc, địa phương.

Mỗi dân tộc lại có những truyền thống, những phong tục tập quán riêng. Mỗi địa phương có những truyền thống văn hoá riêng.Những phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp có nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và ngược lại cũng có những phong tục tập quán lạc hậu trở thành rào cản cho sự tiến bộ xã hội. Khu vực nông thôn là nơi có nhiều nét văn hóa đặc trưng, người dân thường sống theo truyền thống tình làng, nghĩa xóm, giúp đỡ nhau trong đời sống hàng ngày cũng như trong làm ăn kinh tế...là những truyền thống tốt đẹpđã có tác động thúc đẩy kinh tế phát triển và thu nhập của người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, cũng có những hủ tục như ma chay, cưới xin, các tệ nạn mê tín dị đoan...thói quen sống và làm việc mang tính tự nhiên không tính toán đã trở thànhrào cản vô cùng to lớn cho sự tiến bộ xã hội. Vì vậy, các giải pháp giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn cần xem xét kỹ đến các yếu tố về phong tục tập quán của mỗi vùng, miền, mỗi địa phương, mỗi dân tộc, để có giải pháp khả thi và hiệu quả.

1.3.3. Các nhân tố thuộc về cung lao động

Các yếu tố thuộc về cung lao động có ảnh hưởng nhiều mặt đến thị trường lao động, đến khả năng giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và lao động ở khu vực nông thôn nói riêng bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

- Dân số: Quy mô lực lượng lao động của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ phụ thuộc trực tiếp vào quy mô dân số của quốc gia, vùng lãnh thổ đó.Quy mô dân số càng lớn thường thì nguồn nhân lực xã hội càng nhiều.

Tốc độ tăng dân số có ảnh hưởng đến quy mô dân số dẫn đến sẽ quyết định đến quy mô nhân lực sau khoảng 15 năm.

- Quy định về giớ hạn của độ tuổi lao động, quy định của pháp luật về độ tuổi lao động của từng quốc gia sẽ có ảnh hưởng đến lực lượng lao động trong tổng dân số của mỗi quốc gia, địa phương.

- Cơ cấu về dân số trẻ hay dân số già của mỗi quốc gia sẽ cho thấy được lực lượng lao động ít hay nhiều và ảnh hưởng đến nguồn cung lao động lớn hay nhỏ.

- Tỷ lệ tham gia lực lượng lao độngsẽ quyết định đến cung lao động về số lượng. Tuy nhiên con số này chưa nói lên sự chính xác về mức độ tham gia lao động và cường độ tham gia lao động do thời gian làm việc của mỗi người lao động là khác nhau, có thể không giống nhau.

- Sự thay đổi về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động do nhiều yếu tố chi phối, trong đó có cả yếu tố làm tăng, yếu tố làm giảm tỷ lệ tham gia lực lượng lao động như tăng lương và thu nhập thực tế trên thị trường lao động, sự thay đổi sở thích, hành vi, hoàn cảnh gia đình, thiết bị kỹ thuật công nghệ, sự xuất hiện của các ngành mới, trợ cấp xã hội,...

- Các nhân tố ảnh hưởng đến cung thời gian lao động làm việc. Tổng cung lao động trong nền kinh tế không chỉ phụ thuộc vào số lượng người tham gia lực lượng lao động mà còn phụ thuộc vào số giờ làm việc trung bình trong tuần, trong năm của người lao động tham gia lực lượng lao động.Các yếu tố có tác động đến thời gian lao động gồm: Lợi ích, sở thích, nghề, hoàn cảnh gia đình.

- Các nhân tố thuộc về chất lượng của người lao động. Người lao động với tư cách là chủ thể của hoạt động sản xuất, là người sáng tạo trong hoạt động lao động, vì vậy chất lượng của nguồn nhân lực quyết định hiệu quả của hoạt động sản xuất, lao động. Trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá, con người được coi là nguồn lực của mọi nguồn lực cho phát triển. Do đó, trình độ văn hoá, trình độ khoa học kỹ thuật của người lao động có ảnh

hưởng khả năng giải quyết việc làm. Điều đó đòi hỏi tập trung vào công tác đào tạo, tập huấn cho người lao động, phát triển mạnh giáo dục ở các vùng nông thôn để tạo ra một lực lượng lao động có chất lượng ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

1.3.4.Các nhân tố thuộc về cơ chế chính sách

Các chủ trưởng của Đảng, các chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của lao động khu vực nông thôn. Người nông dân có quyền tự chủ khá lớn trên mảnh đất được giao quản lý, tuy nhiên để phát triển sản xuất vẫn phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Ví dụ: Không được tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không được trồng các cây trồng không nằm trong quy hoạch sản xuất khi đã được các cơ quan chức năng tiến hành quy hoạch vùng sản xuất.Từ vấn đề thuộc về chủ trương của các cấp có thẩm quyền, các cơ chế chính sách mà nhà nước sẽ tiến hành đầu tư về cơ sở hạ tầng, các chính sách hỗ trợ để phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

Các nhóm yếu tố cơ chế, chính sách về việc hỗ trợ: Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước liên quan đến tạo ra việc làm.Ví dụ như các chính sách cho vay vốn, hỗ trợ cây giống, con giống, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao dân trí, chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng....

1.4. Kinh nghiệm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở một số địa phương

1.4.1.Kinh nghiệm của tỉnh Lào Cai

Lào Cai là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của tổ quốc với diện tích đất tự nhiên của Lào Cai là 635.708 ha; dân số của tỉnh là 701.706 người *(số liệu cuối năm 2018)*đã có một số kinh nghiệm tốt trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Các bài học chính của Lào cai là:

- Tập trungsử dụng có hiệu quả, nâng diện tích đất có thể trồng trọt ổn định, vấn đề mở rộng diện tích. Trong những năm gần đây việc mở rộng diện tích đất canh tác tập trung chủ yếu là tận dụng các diện tích đồi, nương cằn cỗi gần nguồn nước, các hệ thông kênh mương để triển khai làm ruộng bậc thang thực hiện tăng từ một sản xuất lên thành hai vụ sản xuất trong nămnhằm giải quyết việc làm cho lao động thôn trên những diện tích mới khai thác; tăng số lượng việc làm trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tỉnh Lào Cai đã khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, xây dựng; đẩy mạnh phát triển công khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản gắn với các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung. Công nghiệp, xây dựng phát triển với nhịp độ cao, thực sự trở thành động lực cho tăng trưởng và chuyển dịnh cơ cấu kinh tế, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa.

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giúp người lao động khu vực nông thôn có thể chuyển đổi nghề, hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng với năng suất, chất lượng cao hơn.

- Phát triển lâm nghiệp một cách bền vững, khai thác đi đôi với trồng mới các diện tích rừng, khai thác có kế hoạch, thực hiện trồng bù với diện tích đã khai thác; vừa bảo vệ được môi trường, vừa giải quyết được việc làm lao động nông thôn.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từQuỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, nguồn vốn tín dụng cho hộ nghèo, nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, nguồn vốn thuộc chương trình nông thôn mới, nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức thuộc nước ngoài... Tỉnh Lào Caiđã chỉ đạo các cơ quan liên quan tập trung công tác thẩm định, xét duyệt dự án, tập trung giải ngân nguồn vốn tránh dàn trải để hỗ trợ các dự án sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tạo điều kiện hỗ trợ,phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tỉnh có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư ở vùng khó khăn, vùng nông thôn thông qua các chính sách về thuế, hỗ trợ mặt bằng, đào tạo lao động.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch, thu hút các nhà đầu tư lớn để đầu tư vào lĩnh vực du lịch; Định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp gắn với các hoạt động du lịch, phục vụ du lịch đã giải quyết được việc làm đáng kể cho lao động khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh có việc làm ngay tại chỗ.

1.4.2.Kinh nghiệm tạo việc làm của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Hiệp Hòa là một huyện trung du thuộc tỉnh Bắc Giang, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 30 km và cách thủ đô Hà Nội 50 km theo đường bộ. Phía Đông Bắc giáp huyện Tân Yên, phía Đônggiáp huyện Việt Yên, phía Nam giáp vùng đồng bằng châu thổ Yên Phong của tỉnh Bắc Ninh, phía Tây Nam giáp huyện Sóc Sơn của Hà Nội, phía Tây Bắc giáp thị xã Phổ Yên và huyện Phú Bình của tỉnh Thái Nguyên. Với lợi thế về địa bàn và giao thông thuận tiện, lại tiếp giáp với các vùng kinh tế lớn trong và ngoài tỉnh, Hiệp Hòa đã sử dụng nhiều cơ chế, chính sách nhằm tìm kiếm, thu hút, tạo điều kiện về cơ chế chính sách để phát triển kinh tế - xã hội huyện, đặc biệt là phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ, góp phần tạo nhiều chỗ làm việc mới: Kinh nghiệm tạo việc làm ở huyện Hiệp Hòa là:

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn. Từ đó, chuyển dịch cơ cấu lao động sang làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tạo ra được nhiều việc làm tại chỗ.

- Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngành nghề dịch vụ để thu hút lực lượng lao động có chất lượng.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục - đào tạo nghề cho người lao động,dạy nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn của tỉnh Lào Cai và huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, rút ra một số bài học có thể vận dụng vào giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động ở nông thôn ở huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên và các tỉnh khác có điều kiện tương đồng như:

Một là cần có giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tranh thủ tận dụng các nguồn vốn hỗ trợ của trung ương, của các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài nước để phát triển kinh tế, mang lại nhiều việc làm mới cho lao động nông thôn.

Hai là cần có chiến lược hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khu vực nông thôn để có nhiều việc làm và việc làm tốt hơn thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, hỗ trợ đào tạo lao động ...

Ba là cần làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, lựa chọn doanh nghiệp có uy tín, hỗ trợ về vốn và các thủ tục cần thiết cho người lao động;

Năm là, Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho người lao động, dạy nghề gắn với phát triển thị trường lao động. Đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Để công tác tạo việc làm đạt hiệu quả cao thì các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương cần phải xác định tạo việc làm là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, cần có chính sách hỗ trợ tạo việc làm hợp lý nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

2.1. Khái quát về huyện Điện Biên Đông

2.1.1. Vị trí địa lý và thổ nhưỡng của huyện

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Điện Biên Đông nằm về phía Đông Nam của tỉnh Điện Biên, có toạ độ địa lý từ $20^0$59’ - $21^0$30’ vĩ độ Bắc và 103^0 - $103^0$32’ kinh độ Đông

Phía Bắc huyện giáp huyện Mường Ẳng,

Phía Nam huyện giáp huyện Điện Biên.

Phía Đông giáp huyện Sông Mã, huyện Sốp Cộp của tỉnh Sơn La,

Phía Tây giáp huyện Điện Biên và Thành phố Điện Biên Phủ.

2.1.1.2. Địa hình

Điện Biên Đông là một huyện miền núi nằm trong vùng núi cao dốc nhất của Việt Nam. Địa hình đồi núi phức tạp được cấu tạo bởi những dãy núi cao chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Do ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo nên địa hình bị chia cắt mạnh, cấu trúc núi cao là phổ biến và chiếm phần lớn diện tích tự nhiên toàn huyện. Độ cao trung bình từ800-1000m so với mực nước biển. Núi ở đây bị bào mòn mạnh thành những thung lũng hẹp, thềm bãi bồi dọc các con sông, suối. Nhìn chung, địa hình Điện Biên Đông có 2 dạng chính:

- Địa hình đồi núi cao trên 900m: Đây là kiểu địa hình đặc trưng của Điện Biên Đông, chiếm đến 85% diện tích tự nhiên, phân bố ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện. Phía Bắc là dãy núi Phou Pha Vạt thuộc dãy Phou Huot chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam xuống Nam - Bắc, có đỉnh cao 1.738m, là đường phân thủy giữa Sông Mã và sông Nậm Núa. Phía Nam là dãy Phou Hong chạy theo hướng Tây Đông có đỉnh cao 1.526m. Phía Đông,

Đông Bắc là dãy Phou Cay chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam có đỉnh cao 1.621m. Nhìn chung dạng địa hình này phức tạp, hiểm trở, gây khó khăn trong việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Địa hình thung lũng và các bãi bồi ven sông suối: Đây là loại địa hình nằm xen kẽ giữa các núi cao, và hệ thống sông suối, có độ dốc dưới 25^0. Loại địa hình này phân bố chủ yếu dọc sông Mã, sông Núa Ngam và hệ thống suối trên địa bàn, có tiềm năng về sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt có các bãi bằng tương đối lớn, quy mô từ 30-50ha thuộc địa bàn các xã Mường Luân, Luân Giói, Chiềng Sơ, là nơi tập trung dân cư và sản xuất lương thực (lúa nước) của toàn huyện.

2.1.1.3. Về thổ nhưỡng

Điện Biên Đông có tổng diện tích tự nhiên là 12.089,785 (km^2). Trong đó hầu hết đất đai có độ dốc lớn, tuy nhiên lại có tầng canh tác tương đối dày. Hơn 80% quỹ đất của huyện thích hợp cho phát triển lâm nghiệp, trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng. Đó là những vùng có độ dốc trên 25^0, và một phần diện tích có dộ dốc 15 - 25^o nhưng có tầng dày dưới 50 cm. Diện tích có độ dốc từ 15 - 25^0 chiếm 18,6% nhưng có tới 93,7% trong đó có tầng dày trên 50 cm, có thể tận dụng bố trí cây trồng theo hình thức nông lâm kết hợp. Đất có độ dốc dưới 15^0 chỉ chiếm 0,7% quỹ đất của huyện, trong đó khoảng 88,5% có tầng dày trên 50 cm, còn lại có tầng dầy trên 30 cm. Đây là quỹ đất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là gieo trồng lúa.

2.1.1.4. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu của Tổng cục Địa chất Việt Nam, trên địa bàn huyện có một số loại khoáng sản như: sắt ở phía Bắc xã Pú Nhi, Luân Giói; chì ở các xã Xa Dung, Na Son, Pú Nhi; đá ở xã Na Son, Chiềng Sơ, nước khoáng ở Mường Luân; than ở xã Nong U, trữ lượng không lớn; cát sỏi ở Mường Luân, Luân Giói, Chiềng Sơ và dọc các con suối...Về tài nguyên khoáng sản trên địa

bàn hầu hết có điều kiện khai thác ít thuận lợi, chủ yếu khai thác phục vụ công nghiệp, phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển về kinh tế - xã hội tại địa phương. Điểm tiềm năng về vật liệu xây dựng chủ yếu là đá, cát, sỏi.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

+ Về dân số:

Huyện Điện Biên Đông có 13xã, 01 thị trấn với 243 bản, tổ dân cư trên địa bàn. Dân số toàn huyện đến thời điểm 30/4/2019 là 65.463 người. Tốc độ tăng dân số trung bình hàng năm của huyện còn cao, hàng năm tăng1,58% (Theo số liệu năm 2018). Huyện Điện Biên Đông cơ bản có 6 dân tộc anh em cùng chung sống đó là dân tộc Mông với 36.114 người, chiếm 55,17%, dân tộc Thái là 19.367người, chiếm29,58%, Khơ Mú là 3.702 người, chiếm5,65%, dân tộc Xinh Mun là 2.265 người, chiếm 3,46 %, dân tộc Lào là 1.601 người, chiếm 2,44%; dân tộc Kinh là 2.162 người, chiếm 3,3% còn lại là các dân tộc Tày, Mường, Dạo, Thổ với tổng số 241 người, chiếm 0,37%.

+ Về lao động, việc làm:

Huyện Điện Biên Đông có tiềm năng về số lượng lao động rất lớn. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng góp phần vào sản xuất, phát triển kinh tế tại địa bàn. Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện, đến hết tháng 4/2019 toàn huyện có 38.022 người trong độ tuổi lao động, chiếm 58,08% dân số trên địa bàn, trong đó lao động sống ở khu vực nông thôn là 35.294 người, chiếm 92.82%. Hàng năm huyện giải quyết việc làm mới cho trên 700 người *(năm 2018 là 735 người).* Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ thời gian sử dụng trong lao động những năm gần đây đã được cải thiện đáng kể tuy nhiên vẫn còn thấp, Số người có thời gian làm việc từ 1 - 4 tiếng là 30%, số người có thời gian làm việc từ 4,01- 6 tiếng là 37,14%, số người có thời gian làm việc đủ từ 6,01- 8 tiếng là 28%.

- Lực lượng lao động của huyện đang làm việc trong các ngành kinh tế là 37.186 người. Phân theo giới tính, số lao động nữ 18.630 người chiếm 50,09%; số lao động nam 18.556 người chiếm 49,91%; Lực lượng lao động thành thị 2.151 người chiếm 5,1%; Lực lượng lao động nông thôn 35.294 người chiếm 94,9%. Như vậy lực lượng lao động của huyện tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, cụ thể ở Biểu số 01.

Bảng 2.1. Cơ cấu lao độnglàm vệc trên địa bàn huyện.

Stt	Lao động làm việc trong ngành kinh tế	Đơn vị tính	Tổng số người	Tỷ lệ %
	Tổng số người làm việc trong nền kinh tế	Người	37.186	
1	- Công nghiệp và xây dựng	Người	4.365	11,74
	Tr. đó: nữ	Người	1687	4,54
2	- Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	Người	28.174	75,77
	Tr. đó: nữ	Người	14.879	40,01
3	- Thương mại - Dịch vụ	Người	4.647	12,50
	Tr. đó: nữ	Người	2.064	5,55

(Nguồn: Số liệu về lao động việc làm của phòng Lao động – TB&XH huyện năm 2018)

Từ bảng số liệu về cơ cấu lao động trên địa bàn huyện cuối năm 2018, ta thấy hầu hết lao động trên địa bàn huyện làm việc trong lĩnh vực Nông, lâm và thủy sản; lao động làm việc trong các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng còn ở mức rất thấp, nhất là khu vực công nghiệp - xây dựng.

+ Trình độ đào tạo:

Cơ cấu nhân lực huyện Điện Biên Đông phân theo trình độ học vấn: Tổng số lực lượng lao động đến hết năm 2018 trên địa bàn huyện là 37.186 người; trong đó chưa biết chữ 1.585 người, chiếm 4,26%; chưa tốt nghiệp tiểu

học 8.580 người, chiếm 23,07%; tốt nghiệp tiểu học 12.135 người, chiếm 32,63%; tốt nghiệp trung học cơ sở 10.096 người, chiếm 27,15%; tốt nghiệp trung học phổ thông 4.790 người, chiếm 12,88%.Như vậy trình độ văn hóa của lực lượng lao động chủ yếu là tốt nghiệp tiểu học, tốt nghiệp trung học cơ sở và chưa tốt nghiệp tiểu học.

+ Về kinh tế.

Trong những năm qua, kinh tế Huyện Điện Biên Đông đã có những bước phát triển tương đối toàn diện và liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, năm sau cao hơn năm trước. Huyện đạt được nhiều thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, một số ngành nghề trọng điểm đều có tăngvề năng lực sản xuất, các thành phần kinh tế đã có sự tăng trưởng.

Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: %

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
GRDP của Tỉnh	6,69	6,56	6,83	6,8	7,15
GRDP huyện	5,92	5,84	6,44	6,3	6,28

(Nguồn:Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Điện Biên Đông năm2018)

Từ số liệu trên cho thấy tình hình phát triển về kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên cũng như huyện Điện Biên Đông có tốc độ tăng trưởng thấp và còn chậm so với nhiều địa phương khác trên cả nước. Tuy nhiên nó thể hiện phần nào phù hợ với điều kiện về kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, huyện.

+ Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Bảng 2.3. Cơ cấu GRDP theo các ngành kinh tế

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018

Tổng giá trị sản xuất	(Tỷ đồng)	752,629	801,537	806,404	861,834
Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn huyện	%	6,43	6,49	6,07	6,25
Nông – lâm – thủy sản	%	71,74	71,43	70,6	69,65
Công nghiệp – xây dựng	%	18,01	17,89	18,3	18,66
Dịch vụ	%	10,25	10,68	11,1	11,69

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Điện Biên Đông)

Từ bảng số liệu trên cho thấy trong những năm qua huyệnĐiện Biên Đông đã có nhiều nỗ lực trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, tộc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của huyện đã tăng ở mức trên 6%/năm trong cả giai đoạn từ 2015-2018.

-Về thu nhập bình quân đầu người năm 2018 của người lao động trên địa bàn huyện là 10.500 nghìn đồng/người/năm, lương thực bình quân tính trên đầu người đã đạt 469kg/người.

- Về xã hội

Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện về nhiều mặt, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 70,67% năm 2015 xuống còn 55,48% vào năm 2018, bình quân mỗi năm giảm 5,16% tương đương gần1000 hộ/năm. Hàng năm tỷ lệ người được cấp thẻ BHYT trên địa bàn đạt 97,6% tổng số dân, 100% con hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác; bình quân hàng năm tiến hành đào tạo nghề cho trên 600 lao động nông thôn được học nghề miễn phí. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm xuống còn dưới 0,2%, trong khi tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn từng bước được tăng lên. Chính sách về an sinh xã hội được quan tâm thường xuyên, được cấp chính quyền tích cực chỉ đạo trong triển khai thực hiện các chính sách liên quan.

+ Về văn hoá, thể thao.

Công tác bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa truyền thống các dân tộc được sưu tầm, tu bổ, tôn tạo; thực hiện bảo tồn các di tích văn hóa đã góp phần nâng cao giá trị văn hóa trong hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và sinh hoạt của nhân dân cũng như tăng mức hưởng thụ văn hóa thông tin cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn.

Tính đến cuối năm 2018, toàn huyện có trên 80% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, trên 60% bản, khu dân cư đạt tiêu chuẩn nếp sống văn hóa, văn minh. Tổ chức tốt các giải thi đấu và hội thi thể thao dân tộc toàn huyện, đồng thời tích cực tham gia các sự kiện văn hóa trong tỉnh. Phong trào tập luyện thể dục thể thao phát triển cả về quy mô và chất lượng, đặc biệt là thể thao quần chúng ở cơ sở, góp phần nâng cao thể lực, trí lực và tinh thần cho nhân dân trong huyện.

+ Về giáo dục và đào tạo.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng phục vụ giảng dạy có chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước. Đến năm 2018, không còn lớp học 3 ca, số phòng học được cải tạo, nâng cấp và xây mới kiên cố đạt khoảng 53% số phòng học hiện có, các thiết bị tối thiểu phục vụ cho giảng dạy của các nhà trường cơ bản được cung cấp đầy đủ. Tiếp tục duy trì được kết quả phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở, và củng cố kết quả chống tái mù chữ, huyện đang tiến hành triển khai điểm chương trình phổ cập bậc trung học phổ thông. Đến nay, huyện Điện Biên Đông có 61 trường học, trong đó trường trung học phổ thông là 03 trường, trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên 01 trường, có 15 trường trung học cơ sở, có 23 trường tiểu học, có 19 trường mầm non.

+ Về y tế và bảo vệ sức khoẻ.

Công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Các cơ sở y tế được đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp

ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân trên địa bàn; công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến nay toàn huyện có 01 bệnh viện huyện, 01 phòng khám khu vực và 14 trạm y tế tại các xã, thị trấn với tổng số 137 giường bệnh; khả năng phục vụ bệnh nhân là 21,07 giường bệnh/1 vạn dân. Tuổi thọ trung bình Nam là 68,8 tuổi, Nữ là 72,4 tuổi; trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi là 17,5%.

2.1.3. Quy mô dân số và cơ cấu lực lượng lao động nông thôn huyện Điện Biên Đông

2.1.3.1. Quy mô dân số

Huyện Điện Biên Đông có tỷ lệ tăng dân số tương đối cao. Chính điều này đã ảnh hưởng tới vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn.

Bảng 2.4. Quy mô dân số huyện Điện BiênĐông những năm gần đây

Đơn vị tính: Người, %

Năm / Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2018/ 2014 (%)
Dân số trung bình	61.916	62.605	63.140	64.445	65.463	105,73
Lực lượng lao động	35.499	36.024	36.541	36.920	37.291	105,05
% so với dân số	57,33	57,54	57,87	57,29	56,97	
Lực lượng lao động nông thôn	32.167	32.809	33.513	34.369	35.294	103,29
%LLLĐ nông thôn/LLLĐ	94,16	94,18	94,20	94,22	94,23	100,07

(Nguồn: phòng Lao động- Thương binh và Xã hộihuyện Điện Biên Đông)

Qua bảng 4 cho ta thấy: Tốc độ tăng dân số của huyện Điện Biên Đông trong 5 năm (từ 2014-2018) có xu hướng tăng dần qua từng năm do đó lực lượng lao động trên địa bàn đã tăng nhanh qua hàng năm, đưa dân số trên địa bàn huyện ở thời kỳ "dân số vàng" lực lượng lao động của huyện Điện Biên Đông rất phong phú, dồi dào đặc biệt là lao động khu vực nông thôn. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội nhưng cung là một thách thức, áp lực lớn trong công tác giải quyết việc làm của huyện.

2.1.3.2. Cơ cấu lực lượng lao động nông thôn huyện Điện Biên Đông

- Cơ cấu theo độ tuổi:

Lực lượng lao động trên địa bàn huyện Điện Biên Đông nói chung và lực lượng lao động ở nông thôn nói riêng là khá trẻ. Năm 2018, số lao động có độ tuổi từ 15 đến 24 bổ sung vào lực lượng lao động chung là 27,39%, số lao động có độ tuổi từ 25 đến 34 chiếm 31,91%. Đây là thế mạnh của lực lượng lao động nông thôn huyện Điện Biên Đông. Vì lực lượng lao động trong độ tuổi này có ưu thế về sức khỏe, về trình độ, văn hóa, dễ dàng nắm bắt kiến thức và tiếp nhận chuyển giao công nghệ trong sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn.

Số lao động trong độ tuổi trung niên từ 35 đến 44 tuổi cũng chiếm tỷ lệ khá cao 18,22%. Đây phần lớn là những lao động chính, trụ cột của gia đình có nghề nghiệp, có cuộc sống ổn định. Số lao động trong độ tuổi này chiếm tỷ trọng lớn là một thuận lợi cho công tác giải quyết việc làm. Tuy nhiên, nếu số lao động này nằm trong vùng quy hoạch lại, tái định cư, phải chuyển đổi việc làm thì họ sẽ gặp khó khăn trong thích ứng với công việc và ngành nghề mới, ảnh hưởng tới năng suất lao động và cuộc sống của gia đình họ.

Bảng 2.5. Cơ cấu lực lượng lao động ở nông thôn huyện Điện Biên Đông theo nhóm tuổi năm 2018

Đơn vị tính: Người, %

Độ tuổi / Nội dung	Tổng số	15-24	25-34	35-44	45-54	55-60	Trên 60T
LLLĐ nông thôn	35.294	9.666	11.283	6.431	4.070	2.106	1.738
% so với tổng số	100	27,39	31,97	18,22	11,53	5,97	4,92

(Nguồn: Điều tra lao - Việc làm từ Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Điện Biên Đông tháng 12/2018)

- Lực lượng lao động nông thôn huyện Điện Biên đông chia theo trình độ học vấn:

Bảng 2.6.Lao động nông thônchia theo trình độ học vấn qua các năm

Năm / Trình độ học vấn	2010		2015		2018	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%
Tổng số	**30.512**	**100**	**32.809**	**100**	**35.294**	**100**
Chưa biết chữ	4103	13,45	4.422	12,86	3.693	10,46
Chưa tốt nghiệp tiểu học	8.968	29,39	7.229	25,62	8.080	22,89
Tốt nghiệp tiểu học	8156	26,73	9.277	26,97	10.135	28,72
Tốt nghiệp trung học CS	6440	21,11	7.927	23,05	8.596	24,36
Tốt nghiệp trung học PT	2845	9,32	3.954	11,5	4790	13,57
A. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	**25.812**	**100**	**26.555**	**100**	**27.545**	**100**
Chưa biết chữ	4.004	15,51	4.293	16,17	3.542	12,86
Chưa tốt nghiệp tiểu học	8.624	33,41	6.838	25,75	7.660	27,81
Tốt nghiệp tiểu học	7.401	28,67	7.966	30,00	8.613	31,27
Tốt nghiệp trung học CS	4.837	18,74	5.964	22,46	5.782	20,99
Tốt nghiệp trung học PT	946	3,66	1.494	5,63	1.948	7,07
B.Công nghiệp và xây dựng	**2.102**	**100**	**3.146**	**100**	**4.005**	**100**
Chưa biết chữ	67	3,19	83	2,64	81	2,02
Chưa tốt nghiệp tiểu học	246	11,70	263	8,36	133	3,32

Tốt nghiệp tiểu học	302	14,37	748	23,78	826	20,62
Tốt nghiệp trung học CS	813	38,68	1.021	32,45	1.801	44,97
Tốt nghiệp trung học PT	674	32,06	1.031	32,77	1.164	29,06
C.Thương mại - Dịch vụ	**2.598**	**100**	**3.108**	**100**	**3.744**	**100**
Chưa biết chữ	32	1,23	46	1,48	70	1,87
Chưa tốt nghiệp Tiểu học	98	3,77	128	4,12	287	7,67
Tốt nghiệp Tiểu học	453	17,44	563	18,11	696	18,59
Tốt nghiệpTrung học CS.	790	30,41	942	30,31	1.013	27,06
Tốt nghiệp Trung học PT.	1.225	47,15	1.429	45,98	1.678	44,82

(Nguồn: Thu nhập qua Chi cục thống kê huyện Điện Biên Đông)

Qua bảng 2.6 về trình độ của lao động nông thôn cho thấy. Dân số đang hoạt động kinh tế chưa biết chữ, chưa tốt nghiệp tiểu học trong lực lượng lao động có tỷ lệ khá cao và giảm dần qua các năm. Năm 2010 tỷ lệ lao động mù chữ làm việc trong nền kinh tế là 13,45%, lao động chưa tốt nghiệp tiểu học là 34,21%. Đến năm 2018 giảm còn 10,46% lao động mù chữ và 22,89% lao động chưa tốt nghiệp tiểu học. Trong tổng số lực lượng lao động nông thôn làm việc thì số tốt nghiệp tiểu học là lớn nhất 28,72%, tiếp đến là số tốt nghiệp trung học cơ sở 24,36% (năm 2018); số lao động có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học là khá thấp với 9,32% năm 2010 và tăng dần lên 13,57% vào năm 2018.

Đánh giá trình độ lao động làm việc giữa 3 khu vực nông,lâm, ngư nghiệp; công nghiệp - xây dựng và thương mại-dịch vụ qua số liệu cho thấy, tỷ lệ lực lượng lao độngnông thôn đã tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông ở khu vực thương mại-dịch vụ cao hơn số tốt nghiệp ở khu vực công nghiệp – xây dựng và nông,lâm, thủy sản; năm 2018 tỷ lệ đó là 44,82% làm việc ở khu vực thương mại, dịch vụ; 29,06% làm việc ở khu vực công nghiệp, xây dựng và 7,07% làm việc ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Từ bảng số liệu đã cho ta thấy tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm ngư nghiệp còn khá cao với 82,14% năm 2010 giảm dần xuống còn 78,04% năm 2018. Lực lượng lao động làm việc trong khu vực công nghiệp

và dịch vụ có xu hướng tăng dần, cụ thể lao động làm việc trong khu vực công nghiệp năm 2010 có 2.102/30.512người chiếm 6,89%, đến năm 2018 là 4.005/35.294 người, chiếm 11,35%; khu vực dịch vụ năm 2010 là 2598/30.512 người chiếm 8,51%, đến năm 2018 thì tỷ lệ này là: 3744/35.294 người, chiếm 10,60%. Như vậy xu hướng chuyển dịch lao động của lực lượng lao động trong huyện có chuyển biến tích cực đó là giảm dần tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, nhưng tỷ lệ chuyển dịch rất chậm.

- Lực lượng lao động chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật:

Bảng 2.7. Dân số 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Trìnhđộ CMKT / Tổng-Khu vực	Tổng số	Không có CMKT	Sơ cấp/ học nghề	CMKT có bằng trở lên
Năm 2010				
Tổng chung cả huyện	32.185	28.330	1.214	2.641
Tỉ lệ %	100	88,02	3,77	8,21
Thành thị	1.673	555	183	935
Tỉ lệ %	100	33,17	10,94	55,89
Nông thôn	30.512	27.775	1.031	1.706
Tỉ lệ %	100	91,03	3,38	5,59
Năm 2015				
Tổng chung cả huyện	36.093	28.105	4.981	3.007
Tỉ lệ %	100	77,87	13,80	8,33
Thành thị	1701	494	223	984
Tỉ lệ %	100	29,04	13,11	57,85
Nông thôn	32.809	26.028	4.758	2.023
Tỉ lệ %	100	79,33	14,50	6,17
Năm 2018				
Tổng chung cả huyện	37.186	27.135	6.543	3.508
Tỉ lệ %	100	72,97	17,6	9,43

Thành thị	1.892	530	327	1.035
Tỉ lệ %	100	17	28,2	54,8
Nông thôn	35.294	26.028	6.216	2.473
Tỉ lệ %	100	75,38	17,61	7,01

(Nguồn: Số liệu về lao động - Việc làm 2010,2015 2018 của phòng Lao động – TB&XH huyện Điện Biên Đông)

Quabảng 2.7 trên cho ta thấy, so sánh lao động làm việc ở hai khu vực thành thị và nông thôn thì trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động ở nông thôn cũng đã được nâng lên qua các năm, tuy nhiên vẫn còn rất thấp. Năm 2010, hầu hết lao động ở khu vực nông thôn là không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm 91,03%, đến năm 2015 tỷ lệ này còn 79,33%, giảm 11,70%. Nguyên nhân giảm nhanh trong thời kỳ này là do tác động của chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện, vì vậy đã tăng nhanh số lao động có trình độ chuyên môn đào tạo từ sơ cấp nghề từ 3,38% năm 2010, lên 14,50% vào năm 2015 (tăng 10,12%) và trình độ từ trung cấp nghề cho lao động nông thôn tăng từ 5,59% năm 2010 lên 6,17% năm 2015, và 7,01% năm 2018.

Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật trên địa bàn huyện Điện Biên Đông hiện nay phần lớn tập trung ở khu vực thành thị, lực lượng lao động khu vực nông thôn năm 2018 có 35.294 người nhưng chỉ có 2.473 người lao động có bằng trở lên. Trong khi đó lực lượng lao động ở khu vực thành thị chỉ có 1.892 người thì có tới 1.035 người là lao động có bằng trở lên.

2.1.4. Một số đặc điểm chủ yếu của các dân tộc thiểu số của huyện Điện Biên đông có ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn

Huyện Điện Biên Đông là nơi sinh sống của hầu hết là người dân tộc thiểu số, hiện nay trên địa bàn huyện cơ bản có 5 dân tộc thuộc dân tộc thiểu

số và chiếm tỷ lệ khá lớn về dân số trên địa bàn huyện với 63.201/65.463 người chiếm 96,54% tổng dân số toàn huyện. Tiêu biểu như dân tộc Mông với 36.144 người, dân tộc thái với 19.367 người, dân tộc Khơ mú là 3.702 người, dân tộc Xinh Mun là 2.265 người, dân tộc Lào là 1.601 người (trong khi đó dân tộc kinh có 2.126 người, chiếm 3,25% tổng dân số trên địa bàn). Mỗi dân tộc đều có nét đặc trưng riêng về ngôn ngữ, chữ viết, trang phục, tập quán sinh hoạt,... đã tạo nên những vẻ đẹp phong phú, đa dạng và đặc sắc trong bản sắc văn hoá của huyện Điện Biên Đông. Những đặc điểm chủ yếu tập của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện vào một số đặc điểm sau:

- Cộng đồng các dân tộc thiểu số thường sống ở những địa bàn không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn, sống không tập trung, xa các khu trung tâm, chủ yếu là ở các vùng rừng, núi cao, ven sông suối. Kết cấu hạ tầng thiếu và yếu, hệ thống giao thông đi lại kém phát triển, việc đi lại không thuận lợi, nhất là vào mùa mưu. Sản xuất chủ yếu là tự cung, tự cấp; các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, các nghề truyền thống có sức cạnh tranh thấp nên không thu hút được các doanh nghiệp đến đầu tư, hoạt động thương mai cũng gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Các gia đình thuộc đồng bào dân tộc thiểu số thường đông con và tỷ lệ con em được đi học trung học phổ thông thấp hơn so với các gia đình không phải là người dân tộc thiểu số. Đời sống sinh hoạt của người dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn từ nhà ở, nước sinh hoạt; hiện nay còn có nhiều hộ dân còn chưa có điện lưới để sử dụng và sản xuất, dẫn đến việc sản xuất hàng hóa chưa phát triển, vẫn sản xuất theo kiểu phát rẫy, làm nương, chủ yếu là tự cung, tự cấp làm ảnh hưởng rất nhiều đến phát triển kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao đông trên địa bàn.

- Sau 33 năm đổi mới, thu nhập và mức sống của đại đa số người dân đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn còn thấp *(thu nhập bình quân đầu người trên*

địa bàn huyện năm 2018 là 10,5 triệu đồng/người/năm); số hộ thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện còn cao (*Chiếm 55,48% vào cuối năm 2018*); tình trạng thiếu lương thực diễn ra ở một bộ phận người dân trên địa bàn, hàng năm có đến gần 55% số hộ dân trên địa bàn thiếu lương thực từ 2-3 tháng cần đến sự hỗ trợ của nhà nước.

- Xuất phát từ vấn đề đa phần người lao động trên địa bàn có trình độ tay nghề thấp, trình độ học vấn hạn chế, nhiều người không biết chữ, tác phong công nghiệp không có, sống xa các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp nên còn có nhiều người dân ngại tiếp xúc với những người dân tộc khác, nhất là đối với lao động nữ nên số người đi tìm kiếm việc làm ở các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh trên địa bàn là hạn chế; một số người lao động khi đi làm thuê cho các doanh nghiệp, khu công nghiệp khó khăn trong việc đi lại, phải sống xa gia đình nên không mốn đi xa để tìm kiếm việc làm ổn định, trong khi khả năng giải quyết việc làm tại địa phương hàng năm gặp rất nhiều khó khăn.

2.2. Thực trạng việc làm, thất nghiệp, thiếu việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông

2.2.1. Tình hình việc làm

2.2.1.1. Việc làm của lao động nông thôn theo các thành phần kinh tế

Huyện Điện Biên Đông là địa bàn mà lao động chủ yếu trong ngành nông nghiệp. Những năm gần đây do huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp thông qua chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ đã có những bước phát triểntừ đó giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ góp phầntrong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc làm của người lao động trên địa bàn,điều đó được thể hiện rõ hơn

từ Bảng số liệuvề thực trạng việc ngày càng được nâng cao trong các thành phần kinh tế.

Bảng 2.8. Quy mô và cơ cấu lao động có việc làm qua các năm chia theo thành phần kinh tế của huyện

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng số lao động có việc làm	Người	35.390	36.093	36.438	36.802	37.186
- Lao động làm việc trong khu vực Nhà nước	Người	3.782	3.713	3.685	3.641	3.520
Tỷ lệ %	%	10,69	10,29	10,11	9,89	9,47
- Lao động làm việc khu vực ngoài Nhà nước	Người	31.608	32.380	32.753	33.161	33.666
Tỷ lệ %	%	89,31	89,71	89,89	90,11	90,53

(Nguồn: Phòng Lao động – TB&XH huyện Điện Biên Đông)

Số liệu cho thấy về quy môlao động làm việc trong nền kinh tế trên địa bàn huyện Điện Biên Đông đã tăng theo hàng năm, trong đó chủ yếu là lao động làm việc trong lĩnh vực ngoài Nhà nước. Lao động làm trong Nhà nước từ năm 2014 đến 2018 có xu hướng giảm dần. Cụ thể, số lao động làm việc trong thành phần kinh tế khu vực trong Nhà nước năm 2014 là 10,69% so với tổng số lao động có việc làm, đến 2018 số lao động làm việc trong khu vực này giảm xuống còn 9,47%.

Đối với thành phần kinh tế ngoài Nhà nước, hàng năm số lao động làm việc trong khu vực này không ngừng tăng lên. Cụ thể năm 2014 số lao động làm việc trong khu vực này là31.068 người đến năm 2018 là 33.666 người. Từ bảng số thì lao động có việc làm hàng năm cũng tăng không lớn, năm 2014tổng số lao động làm việc trong khu vực này chiếm tỷ lệ là 89,31%, đến năm 2018 tăng lên 90,53%. Nguyên nhân tăng là do tình trạng tăng dân số tự

nhiên hàng năm trên địa bàn. Nhìn chung, số lao động được tạo việc làm ở khu vực ngoài Nhà nước trên địa bàn huyện chủ yếu vẫn là lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm đến 74,46% tổng số người có việc làm.

Đối với lao động làm việc ở khu vực ngoài Nhà nước trên địa bàn huyện còn có 12,37%, tương đương 4.365 lao động là lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, tuy nhiên trong đócó tới 2.249 lao động là đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, chiếm tỷ lệ 51,52% số lao động làm công nghiệp – xây dựng.

2.2.1.2. Việc làm qua các năm phân theo ngành kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của huyện qua Bảng 9 cho thấy cơ cấu lao động chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Bảng 2.9. Quy mô và cơ cấu lao động có việc làm qua các năm theo ngành kinh tế trên địa bàn huyện

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018
Số lao động có việc làm	Người	35.390	36.093	36.438	36.802	37.186
Chia theo:						
1. Nông – lâm – thủy sản	Người	28.938	28.729	28.597	28.320	28.174
+ Tỷ lệ %	%	81,77	79,60	78,48	76,95	75,77
2.Công nghiệp – XD	Người	3.104	3.466	3.715	4.009	4.365
+ % so với (1)	%	8,77	9,60	10,20	10,89	11,74
3. Dịch vụ	Người	3.348	3.898	4.126	4.473	4.647
+ % so với (1)	%	9,46	10,80	11,32	12,15	12,50

(Nguồn: Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện Điện Biên Đông)

Số liệu cho thấy số lao động tập trung chủ yếu của huyện Điện Biên Đông vẫn là làm việc trong ngành nông nghiệp. Qua các năm từ 2014-2018, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp có giảm đi nhưnggiảm đi không đáng kể.Trong những năm gần đây, một mặt ngành nông nghiệp đang thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị thu nhập trên một ha canh tác.

Đối với ngành công nghiệp – xây dựng. Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp tăng qua các năm. Cụ thể năm 2014 là 3.104 người đến năm 2018 là 4.365 người. Tuy nhiên, tốc độ tăng này còn thấp nên số lao động làm việc trong ngành này cũng mới chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 8,77% năm 2014 so với tổng số lao động có việc làm, tỷ lệ này tăng lên 11,74% năm 2018.

Về mặt kinh tế - xã hội, việc phát triển các nghề truyền thống đi kèm theo là khôi phục, xây dựng và hình thành các tổ hợp tác, các hợp tác xã, ưu tiên hỗ trợ các doan nghiệp, hợp tác xãcó khả năng giải quyết thêm được việc làm mới, chuyển đổi nghề đối với một số lao động từ đó tăng thu nhập cho người lao động.

Tính đến hết năm 2018, trên địa bàn toàn huyện có 27 doanh nghiệp, có 04 hợp tác xã; có một số nghề truyền thống như: dệt thổ cẩm, đan lát, nấu rượu, sản xuất gỗ, chế biến nông sản. Trong những năm tới để phát triển ngành công nghiệp-xây dựng, tiếp tục thực hiện chuyển dịch lao động trên địa bàn và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động,huyện Điện Biên Đôngcần phải tiếp tục đẩy mạnh việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các hợp tác xã; đẩy mạnh việc liên kết các doanh nghiệp, khu công nghiệp, các tập đoàn kinh tế để tiến hành đưa lao động đi là việc ở các khu công nghiệp, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế ngoài tỉnh.

Dịch vụ là ngành có đóng góp số lao động làm việc là đứng thứ hai trên địa bàn huyện. Từ bảng số liệu (Bảng 9) cho thấy số lao động làm việc trong ngành này có tăng nhưng tăng rất chậm. Cụ thể năm 2014 có 3.348 lao động làm việc trong ngành, chiếm 9,46% đến năm 2018 có 4.647 người chiếm 12,5% tổng số lao động có việc làm. Mặt khác lao động làm việc trong ngành thương mai, dịch vụ trên địa bàn huyện thì phần lớn lao động làm việc trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp của Nhà nước với 3.520/4.647 chiếm tỷ lệ 75,74% người trong ngành thương mại dịch vụ trên địa bàn, còn lại là 1.127 người là làm việc trong các ngành dịch vụ, thương mại như bán hàng và các dịch vụ khác.

Bảng 2.10. Số người và cơ cấu số người đủ 15 tuổi trở lên có việc làm trong 7 ngày qua chia theo loại hình kinh tế năm 2018

ĐVT: Người

Khu vực / **Loại hình KT**	**Toàn huyện**		**Thành thị**		**Nông thôn**	
	Số lượng	*%*	*Số lượng*	*%*	*Số lượng*	*%*
Lao động nông lâm thủy sản	28.155	75,71	610	32,24	27.545	78,04
Lao động SXKD cá thể	1.624	4,37	197	10,41	1.427	4,04
Tập thể	86	0,23	21	1,11	65	0,18
Tư nhân	3.740	10,06	102	5,39	3.638	10,31
Nhà nước	3.520	9,47	962	50,85	2.558	7,25
Không xác định	61	0,16	0	0,00	61	0,17
Tổng	**37.186**	**100**	**1.892**	**100**	**35.294**	**100**

(Nguồn: Điều tra khảo sát lao động việc làm tháng 12/2018 của Chi cục thống kê huyện)

Qua số liệu trên bảng nêu trên, số lao động làm việc trong khu vực kinh tế Nhà nước chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (9,47%) trong tổng số lao động trên địa bàn, trong đó 100%lao động làm trong khu vực Nhà nước là làm việc ở

các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàntại cấp huyện và cấp xã. Từ số liệu trên cho ta thấy khả năng giải quyết việc làm của khu vực kinh tế Nhà nước trên địa bàn huyện hiện nay là rất hạn chế.

Đối với loại hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân trong thời gian qua đã phát triển mạnh mẽ thể hiện qua số lao động làm việc trong hai khu vực này là 5.364 lao động, chiếm tỷ lệ 14,43% tổng số lao động làm việc trong nền kinh tế của huyện Điện Biên Đông (năm 2018), đây cũng là lực lượng lao động có trình độ về tay nghề, nhận thức cao, khả năng nhạy bén và tạo ra nguồn thu nhập đáng kể trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện.

Về phát triển kinh tế tập thể, trên địa bàn có 04 hợp tác xã với 86 lao động làm việc trong hợp tác xã, trong đó có 01 hợp tác xã là hoạt động dịch vụ, kinh doanh, có 02 hợp tác xã sản xuất, kinh doanh lĩnh vực xây dựng – công nghiệp, 01 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Tình hình thất nghiệp

Bảng 2.11. Tình trạng thất nghiệp của lực lượng lao động trên địa bàn huyện Điện Biên Đông

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	2016	2017	2018
Dân số trung bình	người	61.916	62.605	63.140	64.445	65.463
Lực lượng lao động	người	35.499	36.204	36.541	36.920	37.291
Lực lượng lao động có việc làm	người	35.390	36.093	36.438	36.802	37.186
% LLLĐ có việc làm so với LLLĐ	%	99,693	99,6934	99,7181	99,68	99,718
Thất nghiệp	người	109	111	103	118	105
% thất nghiệp so với LLLĐ có việc làm	%	0,31	0,31	0,28	0,32	0,28
Thất nghiệp khu vực thành thị	%	0,55	0,52	0,46	0,62	0,58

Thất nghiệp khu vực nông thôn	%	0,28	0,30	0,28	0,29	0,27

(Nguồn: Thu thập từ Phòng Lao động - TB&XH huyện Điện Biên Đông)

Huyện Điện Biên Đông đa phần là người làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, người dân đều có ruộng, có nương để canh tác, sản xuất nên tình trạng lao động trên địa bàn huyện thất nghiệp rất hạn chế, qua số liệu điều tra về cung – cầu lao động hàng năm của phòng Lao động – TB&XH huyện thì số lượng người lao động thất nghiệp là không đáng kể và có sự tăng giảm không đều. Đối với tỷ lệ lao động thất nghiệp tại khu vực thành thị có cao hơn so với khu vực nông thôn.

Bảng 2.12. Số lượng và tỷ lệ người thất nghiệp trong tuần lễ điều tra tính theo khu vực

ĐVT:Người, %

Năm	**Khu vực**	**Từ 15 tuổi trở lên**	
		Số lượng	*Tỉ lệ so với tổng số lao động*
Năm 2014	Toàn huyện	109	0,31
	Thành thị	10	0,55
	Nông thôn	99	0,28
Năm 2015	Toàn huyện	111	0,31
	Thành thị	9	0,52
	Nông thôn	102	0,3
Năm 2016	Toàn huyện	103	0,28
	Thành thị	9	0,46
	Nông thôn	94	0,28
Năm 2017	Toàn huyện	118	0,32
	Thành thị	11	0,62
	Nông thôn	107	0,29
Năm 2018	Toàn huyện	105	0,28
	Thành thị	11	0,58

	Nông thôn	94	0,27

(Nguồn: Điều tra lao động - Việc làm hàng năm của phòng Lao động – TB&XH huyện Điện Biên Đông năm 2018)

Qua bảng trên cho thấy, thất nghiệp của lực lượng lao động ở nông thôn ít hơn khu vực thành thị cả về quy mô và cơ cấu, số lượng tăng, giảm hàng năm là không đáng kể.

Bảng 2.13. Số người 15 tuổi trở lên thất nghiệp trong 7 ngày qua chia theo một số đặc điểm cơ bản của huyện Điện Biên Đông năm 2018

Đơn vị tính: người,%

Chỉ tiêu	Chung		Thành thị		Nông thôn	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số	**129**	**100**	**15**	**11,63**	**114**	**88,37**
Theo nhóm tuổi	***129***	***100***	***15***	***100***	***114***	*100*
15 – 24	88	68,22	9	60,00	73	64,04
25 – 34	29	22,48	4	26,67	25	21,93
35 - 60	12	9,30	2	13,33	10	8,77
Trình độ học vấn	***129***	***100***	***15***	***100***	***114***	*100*
Dưới tiểu học	20	15,50	***0***	0,00	20	17,54
Tốt nghiệp tiểu học	72	55,81	4	26,67	68	59,65
Tốt nghiệp THCS	24	18,60	6	40,00	18	15,79
Tốt nghiệp THPT	13	10,08	5	33,33	8	7,02
Trình độ CMKT	***129***	***100***	***15***	***100***	***114***	***100***
Không có trình độ	83	64,34	12	80,00	71	62,28
Dạy nghề	31	24,03	0	0,00	31	27,19
Trung học chuyên nghiệp	6	4,65	1	6,67	5	4,39
Cao đẳng	7	5,43	0	0,00	7	6,14

Đại học trở lên	2	1,55	2	13,33	0	0,00

(Nguồn: Điều tra dân số việc làm ngày 01/4/2019 của Chi cục thống kê huyện Điện Biên Đông)

Xét theo nhóm tuổi ở bảng nêu trên thì nhóm lao động ở độ tuổi 15 đến 24 là tuổi có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất. Theo số liệu điều tra năm 2019, thì số lao động thất nghiệp ở độ tuổi này là 88 người chiếm 68,22% và số lao động trong độ tuổi từ 15-24 chủ yếu sống tại khu vực nông thôn (73 người). Đây cũng là nhóm lao động thất nghiệp chủ yếu của nông thôn trên địa bàn huyện. Theo bảng số liệu (bảng 13) cho ta thấy số lao động tốt nghiệp tiểu học ở nông thôn trên địa bàn huyện có 68ngườichiếm 56,65% số người thất nghiệp khu vực nông thôn và có 15,79% số người tốt nghiệp phổ thông cơ sở, có 7,02% đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Qua đó cho thấy số người thất nghiệp ở khu vực nông thôn hầu hết có trình độ học vấn thấp và đối tượng còn trẻ tuổi.

Về trình độ chuyên môn kỹ thuật chúng ta thấy tỷ lệ số lao động chưa qua đào tạo tại khu vực nông thôn có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn số lao động đã qua đào tạo. Năm 2018, số người thất nghiệp ở khu vực nông thôn chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ 62,28%, tương đương với 71 người.

2.2.3. Tình hình thiếu việc làm

Nếu như ở khu vực thành thị, tỷ lệ lao động thất nghiệp cao hơn ở khu vực nông thôn, thì ở khu vực nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông tình trạng người lao động thiếu việc làm lại là vấn đề chính dẫn đế người lao động có thu nhập thấp và tình trạng thiếu việc làm đối với lao động trẻ từ 15-24 tuổi lại càng phổ biến.

Bảng 2.14. Tình hình sử dụng thời gian làm việc trong dân số hoạt động kinh tế khu vực nông thôn trên địa bàn huyện

Đơn vị: Người

Độ tuổi điều tra theo mẫu phiếu	*Tổng số phiếu điều tra mẫu*	*Số người làm việc từ 1-4 giờ/ngày*	*Số người làm việc từ 4,01-6giờ/ngày*	*Số người làm việc từ 6,01-8 giờ/ngày*	*Số người làm việc từ trên 8 giờ/ngày*
Số người từ 15-24 tuổi	97	27	51	14	5
Số người từ 25-34 tuổi	113	31	37	37	8
Số người từ 35-44 tuổi	64	18	20	23	3
Số người từ 45-54 tuổi	41	13	8	19	1
Số người từ 55-60 tuổi	21	9	9	3	0
Số người trên 60 tuổi	14	7	5	2	0
Tổng số	350	105	130	98	17

Bảng 2.15.Biểu tỷ lệ sử dụng thời gian lao động trong các nhóm tuổi của lao động nông thôn trên địa bàn

Đơn vị tính: %

Độ tuổi điều tra theo mẫu phiếu	*Tổng số phiếu điều tra mẫu*	*Tỷ lệ người làm việc từ 1-4 giờ/ngày*	*Tỷ lệ người làm việc từ 4,01-6giờ/ngày*	*Tỷ lệ người làm việc từ 6,01-8 giờ/ngày*	*Tỷ lệ người làm việc từ trên 8 giờ/ngày*
Số người từ 15-24 tuổi	97	27,84	52,58	14,43	5,15
Số người từ 25-34 tuổi	113	27,43	32,74	32,74	7,08
Số người từ 35-44 tuổi	64	28,13	31,25	35,94	4,69
Số người từ 45-54 tuổi	41	31,71	19,51	46,34	2,44
Số người từ 55-60 tuổi	21	42,86	42,86	14,29	0,00
Số người trên 60 tuổi	14	50,00	35,71	14,29	0,00
Tổng số	**350**	**30,00**	**37,14**	**28,00**	**4,86**

(Nguồn: Điều tra Mẫu về tình trạng lao động, việc làmcủa lao động nông thôn của tác giải trong tháng 5 năm 2019 theo Mẫusố 01)

Qua bảng số liệu về tình hình sử dụng thời gian lao động và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động qua điều tra mẫu phiếu trên cho thấy, tình trạng lao động thiếu việc làm của dân số hoạt động kinh tế thường xuyên khu vực nông thôntrên địa hàn huyệnhiện nay còn khá lớn, trong đó chủ yếu là lao động có thời gian làm việc thực tế từ 4 giờ/ngày chiếm 30%, làm việc từ 4,01-6 giờ/ngày chiếm 37,14%. Tình trạng sử dụng thời gian lao động không đầy đủ còn thể hiện ở độ tuổi lao động giữa những người tham gia hoạt động kinh tế, cụ thể qua bảng số liệu trên ta thấy số người có độ tuổi từ25-55tuổicó thời làm việc từ 6-8 giờ/ngày cao hơn số người đang làm việc ở các độ tuổi khác, đây cũng là lực lượng lao động chính của huyện để tạo gia thu nhập.

2.3. Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông

2.3.1. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các chính sách phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện

2.3.1.1. Giải quyết việc làm thông qua phát triển kinh tế khu vực chính thức

Bảng 2.16. Kết quả nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm mới cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện từ 2014 – 2018.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018
Lao động được hỗ trợ nâng cao thu nhập						
1. Nông – lâm – thủy sản	Người	9.623	9016	8472	7941	7.400
2.Công nghiệp – XD	Người	1729	1882	2013	2208	2365
3. Dịch vụ	Người	4096	4217	4304	4412	4500
Tổng số	Người	15448	15115	14789	14561	14265
Số Lao động được giải quyết việc làm mới						
1. Nông – lâm – thủy sản	Người	308	264	207	204	201

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018
2.Công nghiệp – XD	Người	227	198	185	243	250
3. Dịch vụ	Người	85	114	117	104	105
Tổng số	Người	**620**	**756**	**509**	**551**	**556**

(Nguồn: Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện Điện Biên Đông)

- Ngành nông nghiệp

Huyện Điện Biên Đông đến năm 2019 vẫn là một huyện thuần nông, 94,24% dân số sống ở nông thôn và 75,77% lực lượng lao động nông đang làm việc trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp. Vì vậy, đối với huyện hoạt động sản xuất nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo để tạo ra việc làm cho người lao động. Những năm qua huyện đã tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Vì vậy, những năm qua sản xuất nông nghiệp của huyện đãcó những bước phát triển: tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 5,48%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; giá trị sản xuất ngành trồng trọt, chăn nuôităng từ 621,15 tỷ đồng năm 2017 lên 705,38 tỷ đồng năm 2018 tăng 13,5% so với năm 2017; sản xuất nông nghiệp của huyện đã chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, năm 2018 sản lượng lương thực sản xuất trên địa bàn là trên 30.666 tấn.

Để từng bước thực hiện chuyển đổi về cây trồng trên địa bàn huyện, từ nguồn ngân sách được trung ương hỗ trợ hàng năm, huyện đã tập trung hỗ trợ các hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo chuyển đổi về cây trồng mới có năng xuất, chất lượng cao hơn.

Cùng với sự phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn, trong thời gian qua tranh thủ nguồn vốn đầu tư hỗ trợ của Trung ương đối với các huyện nghèo, huyện đã đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động chăn nuôi cho các hộ là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, cụ thể:Giai đoạn từ năm 2016

đến năm 2018, UBND huyện đã giao cho UBND các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ 16.548,2 triệu đồng cho 1.835 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để mua 901 con trâu, bò giống, hỗ trợ mua 1.334 con dê cái sinh sản, bình quân mỗi năm trên địa bàn huyện từ 2014-2018 có 8.490 người được nâng cao thu nhập, có 236 người được giải quyết việc làm mới.

Mặc dù đạt được một số kết quả trên, song thực tế cho thấy vấn đề việc làm và đời sống của người dân ở nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân do lực lượng lao động tập trung ở địa bàn nông thôn đông, ruộng nương sản xuất nông nghiệp dễ bị bạc màu, diện tích đất sản xuất 01 vụ/năm chiếm tới 66,71% dẫn đến tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn trên địa bàn là thường xuyên, gay gắt và bức xúc.

- Ngành công nghiệp – xây dựng

Điện Biên Đông là một huyện miền núi, với 75,77% dân số trên địa bàn huyện thuần nông nênlĩnh vực công nghiệp trên địa bàn huyện là nhỏ lẻ, chậm phát triển. Nhận thức được vị trí, vai trò của công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội về lâu dài; từ nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có trên địa bàn như tài nguyên trì, than, đá,lợi thế về địa hình để xây dựng thủy điện..., những năm qua huyện có nhiều chủ trươngkêu gọi các nhà đầu tư để đẩy mạnh phát triển công nghiệp như:kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản than tại xã Nong U, khai thác trì tại xã Pu Nhi, khai thác đá tại xã Chiềng sơ, đầu tư xây dựng thủy điện tại xã Mường Luân và ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn phát triển các nghề sản xuất gạch không nung, chế biến nông sản. Vì vậy lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở địa bàn huyện đã có bước phát triển mới. Tính đến hết năm 2018 lao động khu vực nông thôn trên địa bàn huyện làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng đã chiếm 11,35%.

Trong giai đoạn từ 2014-2018, tận dụng tốt nguồn ngân sách được trung ương và các tổ chức nước ngoài hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng cho huyệnvới tổng nguồn vốn được giao thực hiện là 432,352 tỷ đồng. Huyện đã tiến hành đầu tư 91công trình trên địa bàn gồm đường giao thông, bể nước sinh hoạt, kênh mương tưới tiêu phục vụ nông nghiệp, trường học, trụ sở làm việc của UBND các xã,thị trấn, giải quyết việc làm thường xuyên cho khoảng 620 lao động nông thôn trên địa bàn.

Từ năm 2016, thủy điện Sông Mã 3 tại xã Mường Luân do tập đoàn Hưng Hải làm chủ đầu tư bắt đầu khởi công xây dựng với công xuất 29,5 MW với tổng kinh phí thực hiện đầu tư là hơn 1000 tỷ đồng với 03 nhà thầu chính tiến hành xây dựng công trình. Trong quá trình xây dựng, các nhà thầu đã thường xuyên phải huy động trên 350 công nhân làm việc ngày, đêm tại công trình. Trong số hơn 350 công nhân, có nhiều thời điểm có tới 250 người lao động là người dân địa phương làm việc cho các nhà thầu từ lao động trực tiếp cho đến lao động làm cung ứng dịch vụ tại công trình đã mang lại nhiều công ăn, việc làm cũng như thu nhập cho lao động nôn thôn trên địa bàn.

Mặt khác, đối với các công ty đang khai thác khoáng sản trên địa bàn như khai thác than ở xã Nong U, khai thác trì ở xã Pu Nhi, khai thác đá ở xã Chiềng Sơ, khai thác cát, sỏi tại xã Luân Giói, Mường Luân đãhoạt động sản xuất ổn định đã thu hút việc làm cho trên 300 lao động là người địa phương hàng năm đã có những tác động không nhỏ trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

Cùng với sự phát triển nhanh, mạnh của một số công trình dự án lớn triển khai trên địa bàn, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản của các doanh nghiệp lớn sử dụng nhiều lao động là kéo theo các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng cũng có những bước tiến đáng kểgiúp ngành côngnghiệp – xây dựng trên địa bàn từng

bước tăng trưởng và kích thích sự phát triển về kinh tế của ngành dịch vụ, đã tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thêm thu nhập, đảm bảo đời sống cho một số người lao động trên địa bàn.

- Ngành thương mại – dịch vụ

Trong thời gian qua, huyện Điện Biên Đông đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh doanh hàng hóa, hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện đã có nhiều biến chuyển đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ hàng năm trên địa bàn huyện đạt trên 668,66 tỷ đồng.

Những năm gần đây ngành thương mại và dịch vụ đã có những bước chuyển biến mới: hàng hóa phong phú, giá cả ổn định, một số mặt hàng thế mạnh có tiếng của huyện như gạo nếp nương hạt to của bà con người đồng bào dân tộc mông, khoai sọ tại xã Phì Nhừ, Keo Lôm, lạc đỏ tại xã Na Son, bí xanh tại xã Tìa Dình được mở rộng, thu hút các thương lái về thu mua đã tạo ra được thêm nhiều việc làm cho người lao động trên địa bàn cả lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực thương mại, hoạt động dịch vụ.

Sự phát triển của ngành thương mại – dịch vụ là điều kiện thuận lợi để giải quyết việc làm, tạo ra thu nhập cho người lao động. Huyện trã trú trọngmở rộng nhiều loại hình dịch vụ như: cung ứng vật tư, vận chuyển hàng hóa, sơ chế và chế biến nông sản…Từ đó, đã góp phần tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế; giảm dần tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Từ kết quả của việc chuyển dịch cơ cấu trong ngành dịch vụ, bình quân hàng năm huyện Điện Biên Đông duy trì và nâng cao thu nhập cho khoảng 4.300 lao động đang làm việc trong ngành dịch vụ; giải quyết việc làm mới cho trên 100 lao động trên năm.

2.3.1.2. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn theo khu vực phi chính thức

Trong cơ chế thị trường, khu vực kinh tế phi chính thức có điều kiện phát triển rộng rãi. Đây là lĩnh vực chiếm ưu thế trong tạo việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ khu vực nông thôn trong lúc nông nhàn. Khu vực này bao gồm các hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ, vốn ít, lao động thủ công là chính, không nhất thiết phải tiến hành đào tạo, khối lượng sản xuất sản phẩm làm ra nhỏ, địa điểm kinh doanh linh hoạt, không cố định, chủ sản suất kinh doanh chủ yếu là tự hành nghề, sử dụng lao động gia đình hoặc thuê vài công nhân. Đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu vực này chủ yếu như chạy hàng chợ, thu gom phế liệu, kinh doanh ăn uống tại một số điểm, buôn bán hoa quả, bán nước tại khu vực đông dân cư, lề đường trên địa bàn và một số tìm đến khu vực thành phố…

Qua khảo sát năm 2018 của Chi cục thống kê huyện Điện Biên Đông thì số lao động thường xuyên tham gia trong lĩnh vực kinh doanh tư nhân và dịch vụ cá thể có tới572 người trên địa bàn huyện, trong đó có tới 526 người lao động ở nông thôn chiếm đến 91,19% và đa số là lao động nữ.

2.3.2. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm

Để phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động, nhất là lao động ở nông thôn, hoạt động đầu tư giúp đỡ về nguồn vốn cho người lao động để phát triển kinh tế là rất cần thiết. Trong thời gian qua, phòng Giao dịch ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn huyện đã phối hợp với các đơn vị lên quan thực hiện tốt hoạt động cho vay, quản lý nguồn vốn từ nguồn vốn Trung ương giao về cho địa phương để triển khai tới người dân, nhất là đối với người lao động ở khu vực nông thôn, lao động nữ trên địa bàn huyện đã góp phần không nhỏ trong việc tạo việc làm mới, nâng cao thu nhập và xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn, cụ thể.

Bảng 2.17. Vốn Quốc gia thực hiện hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện từ năm 2014-2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm / Chương trình, dự án đầu tư	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**	**2018**	**2014-2008**
Tổng vốn cho vay	2500	2150	2213	2770	1050	***10.683***
Số dự án được vay (dự án).	105	94	39	49	23	***310***
Số hộ được vay vốn (hộ.	105	94	39	49	23	***310***
Số Lao động được giải quyết việc làm mới *(người).*	124	94	39	49	23	***329***

(Nguồn: Phòng Giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên Đông)

Qua bảng ở trên cho ta thấy nguồn vốnQuỹ quốc gia giải quyết việc làm trong 5 năm 2014 – 2018 trên địa bàn huyện cơ bản được cho vay còn có hạn, bình quân mỗi năm cho vay được trên 2 tỷ đồng; nguồn vốn từ năm 2018 có xu hướng giảm do không được bổ sung thêm nguồn vốn từ ngân sách trung ương nên số hộ được vay vốn cũng giảm đi 23 hộ (2018) so với 49 hộ được vay trong năm 2017. Tổng nguồn vốn vay cho giai đoạn từ 2014-2018 là 10.683 triệu đồng giải quyết việc làm mới được cho 329 lao động trên địa bàn.

Đối với các hộ gia đình được vay vốn thì hầu hết đầu tư vào hoạt động chăn nuôi trâu, bò sinh sản, bên cạnh đó có một số hộ vay để đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn có điều kiện để phát triển, có khả năng thu hồi vốn vay và lãi xuất. Đối với các hộ được vay vốn trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay được vay với định mức từ 50 triệu đồng/hộ, lãi xuất bằng

0,55% đã tạo điều kiện giúp cho hộ gia đình có thể tạo thêm công ăn, việc làm mới thêm cho 01 lao động và sau 5 năm có khả năng sẽ vươn lên để thoát được hộ nghèo.

Từ biểu số liệu, kết quả hoạt động cho vay vốn từ nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm trên địa bàn huyện tuy chưa đạt được kỳ vọng của người dân về nhu cầu vay vốn do nguồn ngân sách trung ương phân bổ còn có hạn nhưng cũng đã phần nào giúp cho người dân trên địa bàn huyện được tiếp cận và đã giải quyết việc làm mới cho được 329 người lao động trong 5 năm (2014-2018).

2.3.3. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn qua Chương trình xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Hiện nay, việc xuất khẩu lao động là hoạt động kinh tế mang lại nhiều hiệu quả, giúp nhiều người lao động thoát nghèo trở thành những hộ gia đình có điều kiện kinh tế khá giả ở các địa phương trên địa ban huyện, trong khiĐiện Biên Đông là vùng có điều kiện tự nhiên không thuận lợi nhưng có nguồn lực lao động dồi dào, đây là giải pháp hữu hiệu trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

Công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời gian qua trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả. Từ năm 2014 đến hết năm 2018, huyện Điện Biên Đông đã có 84 lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bảng 2.18. Kết quả đưa lao động nông thôn trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ năm 2014-2018

Năm / Thị Trường xuất khẩu	2014	2015	2016	2017	2018

Ả rập xê út	3	1			
Đài Loan	6	5	7	7	8
Hàn Quốc	10	5	5	4	7
Nhật Bản	3	3	2	4	4
Tổng số	22	14	14	15	19

(Nguồn: phòng Lao động – TBXH huyện Điện Biên Đông)

Theo báo cáo của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện, bình quân mỗi năm số người đi xuất khẩu lao động trên địa bàn gửi về cho các gia đình trên địa bàn khoảng1.680triệu đồng.

Như vậy, trong 5 năm (2014-2018), công tác đưa lao động trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã giải quyết việc làm cho 84 lao động, trong đó có 84 lao động ở nông thôn và tạo ra nguồn thu đáng kể cho các gia đình trên địa bàn huyện. Để đạt được kết quả đó, những năm qua, huyện đã tập trung chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động, phối hợp tốt với các cơ quan cấp tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có uy tín hoạt động trong công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.3.4. Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn qua công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

Thực hiện Quyết định số 1956/2009/QĐ-Tg gia ngày 27/11/2019 phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2019. Huyện Điện Biên Đông đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, giúp cho nhiều người lao động có được việc làm, có thêm kỹ năng về tay nghề để tìm kiếm việc làm mới phù hợp với nguyện vọng, điều kiện thực tiễn và tạo cơ hội cho nhiều lao động trên địa bàn có thể tăng thu nhập do qua hoạt động đào tạo đã được nâng cao trình độ về nhận thức, kỹ năng trong sản xuất.

Bảng 2.19. Tình hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện từ năm 2014-2018

Năm Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng kinh phí cho công tác đào tạo nghề	Triệu đồng	1.667	1.481	1.637	1760	1732
Số người lao động được học nghề	Người	808	748	885	879	864
Số lao động nữ được đào tạo	Người	430	386	492	485	474
Số lao động học nghề nông nghiệp	Người	594	539	5.27	533	510
Số lao động học nghề phi nông nghiệp	Người	214	209	358	346	354
Số lao động chuyển đổi nghề nghiệp	Người	401	467	425	371	395
Số lao động được nâng cao thu nhập	Người	694	639	675	623	628

(Nguồn: phòng Lao động – TBXH huyện Điện Biên Đông)

Từ bảng số liệu cho thấy,bình quân mỗi năm huyện tiến hành hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện được trên 800 người/năm. Trong giai đoạn từ 2014-2018, huyện Điện Bên Đông đã tiến hành đào tạo nghề 4.184 lao động nông thôn trên địa bàn với tổng kinh phí thực hiện là 8.277 triệu đồng. Tổng số lao động được tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp là 2.059 người.

2.3.5. Giải quyết việc làm thông qua các hoạt động chắp nối thông tin giữa người lao động với các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động

Trong những năm qua công tác giải quyết việc làm thông qua kết nối người lao động với các doanh nghiệp, đơn vị tham gia tuyển dụng lao động

đượchuyện quan tâm triển khai thực hiện. Hàng năm huyện đã bố trí nguồn kinh phí cho các đơn vị liên quan thực hiện hoạt động tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc tại doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh; kinh phí khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện và một số doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế sử dụng nhiều lao động để có những hoạt động phối hợp trong công tác tuyển dụng, bố trí việc làm cho người lao động trên địa bàn.

Huyện Điện Biên Đông đã chỉ đạo tốt các xã, thị trấn phối hợp với phòng Lao động – TB&XH huyện trong công tác tổ chức hỗ trợ người lao động trên địa bàn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho lao động đi sơ tuyển, đi làm việc có tổ chức tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh. Từ sự tích cực vào cuộc đó trong những năm gần đây số lượng người lao động trên địa bàn huyện tham gia đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh đã tăng lên đáng kể. Theo số liệu thống kê của phòng Lao động – TB&XH huyện, trong năm 2017, toàn huyện có 1.768 người lao động tham gia đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, trong đó có 261 lao động đi làm có tổ chức, năm 2018 toàn huyện có 2.006 lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, trong đó có 310 lao động đi làm việc có tổ chức.

Từ kết quả thực hiện chính sách kết nối người lao động với các đơn vị sử dụng lao động được huyện trú trọng tổ chức triển khai từ từ 2017 đến nay ta thấy rõ hiệu quả trong công tác giải quyết việc làm, mang lại thu nhập cho người lao động là rất lớn mà chi phí lại thấp, đây là một trong những hướng đi cần được tập trung triển khai mạnh trong thời gian tới để giúp người lao động trên địa bàn huyện tìm kiếm được việc làm phù hợp với nguyện vọng, trình độ của người lao động và mang lại nguồn thu nhập cho địa phương.

2.4. Ảnh hưởng của các nhân tố đến giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn huyện Điện Biên Đông

2.4.1. Khả năng giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương có hạn trong khi cung lớn hơn cầu về lao động hàng năm hiện nay

Từ thực trạng trên có thể thấy rằng: nguồn cung về số lượng lao động của huyện hiện nay là rất lớn và có xu hướng tiếp tục tăng nhanh trong những năm tới; trong khi đó nhu cầu thu hút và sử dụng lao động còn hạn hẹp, có tăng nhưng tăng chậm hơn cung. Quy mô và tốc độ tăng giữa cung và cầu không ăn khớp, tương xứng với nhau làm cho quan hệ cung - cầu về lao động càng ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, điều đó dẫn đến một bộ phận lớn lao động trên địa bàn sẽ thiếu việc làm.

Trong những năm qua nền kinh tế của huyện có bước phát triển, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tăng trên 6%/năm (2014 - 2018) do đó, cầu về lao động có tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn và đòi hỏi chủ yếu của cầu là: lao động lành nghề, có chuyên môn kỹ thuật, có tác phong công nghiệp cao; trong khi đó nguồn cung lao động quá lớn, lại chủ yếu là lao động phổ thông nhàn dỗi trong nông nghiệp, có nhiều lao động chưa qua đào tạo nghề. Thêm vào đó, một lực lượng không nhỏ bổ sung như: bộ đội xuất ngũ, số học sinh - sinh viên ở các trường chuyên nghiệp tốt nghiệp ra trường, số người trưởng thành bước vào độ tuổi lao động... làm cho sức ép về lao động và việc làm vốn đã bức xúc lại càng bức xúc gay gắt hơn. Theo tính toán cho thấy: bình quân mỗi năm (2014 - 2018) số lao động cần phải giải quyết việc làm là khoảng 1.000 người; ngoài ra còn phải giải quyết thêm việc làm cho 13.600 ngời đang thiếu việc làm ở khu vực nông thôn. Trong khi đó, huyện chỉ có khả năng giải quyết việc làm từ 60% số nhu cầu đó ngay tại địa phương.

Từ thực trạng trên, cho thấy sức ép về lao động và việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông hiện nay là rất lớn. Để giải quyết được bức xúc đó, chỉ

có thể áp dụng đồng bộ các biện pháp như: thực hiện tốt vấn đề kế hoạch hóa dân số, đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động, thu hút đầu tư, đẩy nhanh phát triển kinh tế qua chuyển đổi về cây trồng, vật nuôi...

2.4.2. Giải quyết việc làm trong điều kiện tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương còn chậm

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông là một trong những giải pháp cơ bản, lâu dài để tạo việc làm cho người lao động. Đó là quá trình chuyển dịch theo ngành kinh tế, theo thành phần kinh tế và theo vùng kinh tế; trong đó chuyển dịch theo ngành kinh tế là trọng tâm.

Đặc trưng lớn nhất của huyện Điện Biên Đông là kinh tế thuần nông, với trên 94% dân số sống tại nông thôn và 78,04% lực lượng lao động ở nông thôn làm việc trong ngành nông nghiệp, cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện còn nhiều lạc hậu; đó là lực cản lớn đối với việc phát triển kinh tế nói chung, giải quyết việc làm nói riêng. Bởi vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một vấn đề có tầm chiến lược quan trọng đặc biệt. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng là quá trình phân công lao động xã hội. Sự phân công lại lao động chủ yếu diễn ra trong nội bộ ngành nông nghiệp; trước hết, là trong các ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm bớt số lao động nông nghiệp trên cơ sở tăng năng suất lao động, chuyển lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; giảm lao động trồng cây lương thực chuyển sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và những cây trồng có giá trị kinh tế cao; giảm lao động trong trồng trọt và tăng lao động trong chăn nuôi.

Từ thực trạng trên, đặt ra huyện cần phải tập trung giải quyết nâng cao chất lượng nguồn lực lao động; vì vậy, công tác giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề giữ vai trò quyết định tới việc nâng cao chất lượng cho lực

lượng lao động nhằm bù đắp những lỗ hổng chất lượng hiện tại; chỉ có như vậy các biện pháp giải quyết vấn đề lao động và việc làm mới có cơ hội thực thi.

2.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực chưa gắn kết với giải quyết việc làm

Đối với huyện Điện Biên Đông, vấn đề nâng cao chất lượng nguồn lực lao động được đặt ra hết sức bức xúc. Đến 31/12/2018, tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn huyện là 37.186 người; trong số này chủ yếu là lao động làm việc ở khu vực nông nghiệp, nông thôn (chiếm tới 94,9%); số lao động chưa qua đào tạo nghề trên địa bàn huyện còn lớn. Vì vậy, số lao động này khó có thể làm việc ở các khu công nghiệp và cũng khó có khả năng chuyển sang các hoạt động khác (ngoài nông nghiệp) ngay trên địa bàn nông thôn. Qua tìm hiểu, nghiên cứu công tác đào tạo nghề ở huyện Điện Biên Đông cho thấy: số lao động được đào tạo nghề chiếm tỷ lệ thấp, tốc độ đào tạo nghề cho người lao động chuyển biến chậm.

Mặt khác chất lượng đào tạo chưa được coi trọng, không gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường sức lao động; do đó, nhiều người đã qua đào tạo vẫn không thể tìm được việc làm trong khi nhiều doanh nghiệp trên địa bàn huyện, tỉnh vẫn không thể tuyển đủ số lao động có kỹ thuật để bố trí vào hoạt động sản xuất.

Từ việc nghiên cứu trên cho thấy: sự bất cập, yếu kém trong phát triển nguồn nhân lực của huyện thể hiện ở cả khâu cung ứng lẫn khâu sử dụng lao động, đã làm cho sức ép về lao động và việc làm luôn căng thẳng.

Để thực hiện tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực đòi hỏi huyện cần phải làm tốt một số việc sau:

- Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường đầu tư mọi mặt cho giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề cho người lao động.

- Thực hiện từng bước "xã hội hóa" giáo dục - đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo nghề cho lao động nông thôn với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, có sự liên kết, phối hợp sâu rộng, thiết thực trong đào tạo nghề.

2.4.4. Tâm lý của người lao động còn coi trọng việc làm ở khu vực kinh tế Nhà nước hơn khu vực kinh tế ngoài Nhà nước

Đối với việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông cho thấy, các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Tuy nhiên phần lớn lao động trên địa bàn huyện lại muốn làm việc trong khu vực Nhà nước.

Theo thống kê về lao động việc làm trên địa bàn huyện, khu vực ngoài nhà nước là nơi thu hút hầu như cơ bản người lao động vào làm việc với gần 90% số người lao động của huyện làm việc trong khu vực này. So với thành phần kinh tế nhà nước thì thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm ưu thế đối với quá trình giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống cho đại bộ phận lực lượng lao động xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển, đóng góp đáng kể cho ngân sách Nhà nước, góp phần tạo nên sự bình yên cho xã hội, giảm bớt gánh nặng và sức ép việc làm cho Nhà nước, cho xã hội.

Tuy nhiên, ở khu vực này hiện nay còn những khó khăn tồn tại: năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, quyền lợi của người lao động còn bị xâm hại, làm việc trong điều kiện môi trường chưa đảm bảo, việc làm còn thiếu tính ổn định vững chắc. Trong khi đó việc làm tại khu vực nhà nước tuy có lương thấp hơn so với khu vực ngoài nhà nước nhưng lại có tính ổn định lâu dài, người lao động được đối sử công bằng, được thực hiện đảm bảo về các quyền lợi theo quy định về Luật lao động, Luật bảo hiểm xã

hội...dẫn đến đa phần người lao động trên địa bàn vẫn có nguyện vọng được vào làm việc tại khu vực Nhà nước.

2.4.5. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong điều kiện thị trường lao động còn chậm phát triển, thiếu gắn kết

Thị trường lao động trên địa bàn huyện Điện Biên Đông đến nay chưa được các cấp chính quyền quan tâm đúng mức, trên địa bàn huyện chưa có Trung tâm dịch vụ việc làm nào hoạt động trên địa bàn để có thể cung cấp các thông tin của người sử dụng lao động cho người lao động kịp thời, từ đó có thể kết nối việc làm cho những người lao động có nhu cầu tìm kiếm viêc làm. Hoạt động cung cấp các dịch vụ về thị trường lao động trên địa bàn huyện hiện nay chủ yếu do cán bộ của phòng Lao động – TB&XH huyện thực hiện hoạt động kiêm nghiệm phối hợp với cán bộ làm công tác lao động – TB&XH cấp xã, các doanh nghiệp, cán bộ tuyển dụng của các doanh nghiệp lên địa bàn huyện để thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền rất nhỏ, lẻ, chưa đủ để có thể kích hoạt thị trường lao động trên địa bàn huyện phát triển.

Các hoạt động thực hiện thông tin, truyên truyền về thị trường lao động của cán bộ cấp huyện, cấp xã hiện nay là không được thương xuyên, liên tục do đội ngũ cán bộ công chức làm công tác kiêm nghiệm, phải thực hiện các nhiệm vụ khác được giao. Đối với các doanh nghiệp cũng chỉ dừng lại ở việc gửi các thông báo tuyển dụng về cơ sở để thực hiện các hoạt động thông tin, tuyển dụng lao động là chủ yếu.

2.5. Đánh giá chung về công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian qua

2.5.1. Những mặt đạt được

Trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đôngnói riêng đã đạt được những kết quả tích cực. Với

những chủ trương và cơ chế chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước được các cấp ủy Đảng và chính quyền trên địa bàn huyện vận dụng vào thực tiễn cho đến nay, việc thực hiện nhiệm vụ giả quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể.

Từ người lao động, người sử dụng lao động cho đến Nhà nước và trên phạm vi toàn huyện đã có sự thay đổi căn bản: nhận thức, quan điểm về việc làm; người lao động đã năng động và chủ động tự tạo việc làm cho mình, không thụ động trông chờ vào sự bố trí việc làm của Nhà nước; người sử dụng lao động được Nhà nước khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh để tạo ra nhiều việc làm cho xã hội; trong xã hội mọi người tự chịu trách nhiệm về cuộc sống của bản thân mình, từ đó phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống. Mặt khác, Nhà nước đã xây dựng hành lang pháp lý và điều kiện kinh tế - kỹ thuật, tạo môi trường thuận lợi để mọi người tự tạo việc làm cho mình và cho xã hội.

Bước đầu đã khai thác huy động được một phần tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, lợi thế về địa hình, tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của huyện để thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo mở việc làm; đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, du nhập ngành nghề mới thu hút các nhà đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu lao động …

Đã gắn kết công tác giải quyết việc làm với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Cơ cấu lao động đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực: tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng lao động trong công nghiệp và dịch vụ từng bước tăng lên qua các năm.

Công tác đào tạo nghề cho người lao động đã được chú trọng, chất lượng lao động dần dần được nâng cao.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân… hoạt động có hiệu quả; thông qua việc giúp đỡ nhau phát triển kinh tế như: cho vay vốn - giống, phổ biến kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ… đã tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động.

Sở dĩ có kết quả đó là do trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông được đặt dưới sự chỉ đạo của các cấp Đảng, chính quyền và các ban ngành trong huyện. Ban chỉ đạo giải quyết việc làm do đồng chí phó chủ tịch UBND làm trưởng ban, phòng lao động thương binh và xã hội là cơ quan thường trực phối kết hợp với các ban ngành trong huyện và các tổ chức đoàn thể quần chúng thực hiện công tác giải quyết việc làm một cách đồng bộ, toàn diện.

2.5.2. Những mặt hạn chế

Số lao động nông thôn hàng năm được giải quyết việc làm của huyện còn thấp hơn số lao động cần được giải quyết việc làm, lao động thiếu việc làm còn chiếm tỷ lệ cao.

Chất lượng lao động của huyện chưa cao. Số lao động chưa có trình độ thì phải mất thời gian lâu cho quá trình đào tạo. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao còn hiếm, còn phải tuyển ở nơi khác đến, chất lượng lao động ở nhiều vị trí cần tuyển dụng vào làm việc ngay tại các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thì người địa phương lại chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp sử dụng lao động nên phải tuyển từ nơi khác đến làm việc.

Các ngành nghề ở địa phương không được đào tạo theo chiều sâu, quy trình công nghệ không được đổi mới, nhiều sản phẩm không cạnh tranh được với thị trường bên ngoài.Do đó việc làm của người lao động chưa thực sự ổn định.

Các hoạt động trợ giúp người lao động, người thất nghiệp chưa đủ mạnh để thu hút đầu tư, khai thác được mọi nguồn lực phát triển kinh tế, tạo mở việc làm.

Qúa trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đủ mạnh để tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động. Cơ cấu lao động mất cân đối nghiêm trọng: thiếu lao động có chuyên môn nghề nghiệp, thừa lao động phổ thông; thiếu công nhân kỹ thuật. Chất lượng của lực lượng lao động thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường sức lao động ở trong nước và quốc tế.

Công tác đào tạo nghề cho người lao động tuy đã được đầu tư đồng bộ cả về cơ sở vật chất kỹ thuật đến nội dung chương trình, mục tiêu đào tạo, đội ngũ giáo viên nhưng tỷ lệ lao động có trình độ thấp như số lao động mù chữ, lao động chưa tốt nghiệp tiểu học, lao động tốt nghiệp tiểu học còn chiếm tỷ lệ cao; dẫn đến chất lượng nguồn lao động thấp khó khăn trong việc cạnh tranh với các vị trí việc làm đòi hỏi về trình độ, tay nghề khi tham gia tuyển dụng.

Quản lý nhà nước về lao động và việc làm trên địa bàn huyện còn yếu kém, khả năng hoạch định chính sách về lao động và việc làm còn nhiều hạn chế. Hoạt động về tư vấn, định hướng về lao động, việc làm cho người lao động vẫn chỉ thực hiện ở nhiệm vụ kiêm nghiệm, chưa có cán bộ chuyên sâu để thực hiện hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ việc làm cho người lao động

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Huyện Điện Biên Đông là khu vực có vị trí địa lý không thuận lợi, giao thông đi lại trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có trên địa bàn không có nhiều. Cơ sở hạ tầng đã được cải thiện nhưng chất lượng chưa cao, trên địa bàn huyện hiện nay còn có 04 xã chưa đi

lại thuận lợi vào mùa mưa do chưa có đường bê tông hay đường nhựa nên khả năng vận chuyển hàng hóa nông sản trên địa bàn tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, chi phí vận chuyển lớn. Sự hấp dẫn đầu tư cho lĩnh vực này chưa cao dẫn đến không thu hút được nhiều doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế về đầu tư tại địa phương để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện.

Ngân sách hàng năm dành cho vấn đề tạo việc làm chưa đáp ứng được với yêu cầu, nhiệm vụ, số lượng vốn chỉ mới đáp ứng được trên 30% nhu cầu. Việc biên chế cán bộ làm công tác quản lý lao động và tạo việc làm chưa được coi trọng ở cả cấp huyện và cấp xãhiện nay đều là cán bộ kiêm nghiệm trong khi đó phải thực hiện nhiều công việc chuyên môn khác.

Việc huy động vốn phát triển kinh tế trên địa bàn chủ yếu là nguồn vốn vay ngắn hạn, nguồn vốn trung và dài hạn hạn chế. Ngân sách trên địa bàn huyện để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội có tới trên 90% dựa vào ngân sách của trung ương hỗ trợ hàng năm để thực hiện việc phát triển kinh tế - xã hội nên huyện không thể chủ động trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đến hỗ trợ cho người lao động trên địa bàn trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật chưa được đồng bộ, chưa được chú trọng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về vấn đề tài chính, vốn kinh doanh tư nhân chủ yếu là vốn vay ngân hàng, vốn tự có của các hộ gia đình còn mỏng.

Chính quyền địa phương còn thiếu sự năng động, thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các chính sách tạo việc làm, thiếu đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi; giải pháp đầu ra cho thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, cơ sở chế biến những mặt hàng nông sản cơ bản đều là thô, sơ.

Về công tác lãnh đạo chỉ đạo của đảng bộ huyện trong những năm qua chưa quyếtliệt đối với lĩnh vực việc làm, chưa có nghị quyết chuyên đề của đảng bộ huyện đối với công tác giải quyết việc làm. Vẫn còn tồn tại một bộ phận cán bộ công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động việc làm trên địa bàn chưa năng động, còn trông chờ vào việc chỉ đạo của cấp trên mới thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

Từ những phân tích khách quan nhận thấy, công tác tạo việc làm có khả quan nhưng chưa cao. Số người chưa có việc làm và người thiếu việc làm còn nhiều, là một lãng phí vô hình lớn về tài lực và nhân lực, cũng là lãng phí về lực đối với xã hội.Huyện Điện Biên Đông đến nay vẫn là huyện nghèo và ngành nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ lực nhưng giá trị hàng hóa nông nghiệp chưa cao, sản phẩm còn thiếu tính đa dạng. Ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng thu hút nhiều lao động nhưng vẫn ở mức thấp. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chưa cao.

Tóm lại, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện cần phải tiếp tục giải quyết nhiều mặt nữa, cần sự tích cực vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cần phối hợp mọi biện pháp,lồng ghép các nguồn vốn của Nhà nước hỗ trợ hàng năm để phát triển về kinh tế, xã hội, xóa dói, giảm nghèo, cần đến sự quan tâm thỏa đáng của cấp tỉnh, trung ương trong bố trí ngân sách hàng năm phục vụ cho sự phát triển về kinh tế - xã hội của huyện.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

3.1. Phương hướng giải quyết việc làm cho lao động nông trên địa bàn huyện Điện Biên Đông

3.1.1. Các quan điểm cơ bản

Trước hết cần phải có quan niệm, nhận thức đúng đắn về việc làm.Theo Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định: "Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm". Phải thay đổi chuẩn mực và giá trị đánh giá cống hiến của người lao động cho xã hội, không phải chủ yếu căn cứ vào làm việc gì, làm ở đâu, cho ai mà phải căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả được thị trường chấp nhận. Để làm thay đổi quan niệm, nhận thức trên không phải đơn giản, dễ dàng mà là một quá trình lâu dài; trước hết, cần phải tác động vào lớp trẻ, những người chịu ảnh hưởng ít hơn củathế hệ trước, sau đó đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nhân rộng ra toàn xã hộiđể người dân hiểu đúng bản chất về vấn đề việc làm.

Hai là, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để giải quyết việc làm.Vấn đề giải quyết việc làm là công việc của toàn xã hội, là trách nhiệm và nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước, của các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội và của mỗi người lao động.

Nhà nước hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chương trình giải quyết việc làm, có hệ thống chính sách ưu đãi, khuyến khích các cơ quan liên quan tạo ra mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm. Cùng với quá trình đổi mới, phát huy mạnh mẽ của nền kinh tế nhiều thành phần, đổi mới cách quản lý của Nhà nước sẽ làm cho người lao

động tích cực, chủ động hơn đồng thời phát huy được sức mạnh của toàn xã hội trong vấn đề giải quyết việc làm.

Ba là, giải quyết việc làm phải căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội, vấn đề bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên để lựa chọn các dự án phát triển kinh tế. Thước đo quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả vấn đề việc làm và sử dụng nguồn lao động là năng suất, chất lượng, hiệu quả mà nó sáng tạo ra.

Đánh giá hiệu quả về giải quyết việc làm cho người lao động không chỉ đơn thuần ở chỗ có bao nhiêu người làm việc, bao nhiêu người không có việc làm mà quan trọng hơn phải căn cứ vào kết quả hoạt động do người lao động đem lại. Kết quả đó không chỉ biểu hiện ở hiệu quả và thu nhập cá nhân mà phải đứng trên lợi ích chung của toàn xã hội. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, những tiêu chí cơ bản để xem xét hiệu quả vấn đề việc làm và sử dụng nguồn lao động là phải căn cứ vào khối lượng sản phẩm cả về vật chất và tinh thần được tạo ra trong xã hội, được thị trường chấp nhận.

Bốn là, giải quyết việc làm phải dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng nguồn lao động.Như đã trình bày ở những phần trước nguồn lao động trên địa bàn huyện còn nhiều mặt hạn chế, bất cập. Nếu chỉ dựa vào lực lượng lao động hiện có rất khó phát huy được vai trò của nó với tư cách là nguồn lực cơ bản để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Muốn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể dựa vào lao động thủ công mà phải dựa vào lao động có khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Vì vậy, nâng cao chất lượng của nguồn lực lao động vừa là yêu cầu tất yếu, cấp bách trước mắt vừa là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài. Giữa vấn đề việc làm và chất lượng của nguồn lao động có mối quan hệ mật thiết, ràng buộc lẫn nhau; chỉ khi nào được trang bị kiến

thức, kỹ năng đầy đủ và có sức khỏe làm chủ bản thân mình người lao động mới có hy vọng tìm được việc làm theo đúng nguyện vọng của bản thân.

Năm là, đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động trong quá trình giải quyết việc làm.Giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đồng thời với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động cho phù hợp với quá trình phát triển, đây là một xu hướng tất yếu và cũng là quy luật của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo ra cơ cấu lao động ngày càng phù hợp với cơ cấu kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi. Chuyển dịch cơ cấu lao động đóng góp vào sự phân bố lại lao động hợp lý giữa các vùng, các ngành, các nghề, tạo điều kiện cho người lao động lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp, tăng cơ hội tìm được việc làm, mang lại thu nhập cao hơn. Do đó, chuyển dịch cơ cấu lao động góp phần làm xích lại khoảng cách giữa cung và cầu về lao động; chuyển dịch cơ cấu lao động được coi là một giải pháp tích cực tạo việc làm, giảm thiểu thất nghiệp. Vấn đề cấp bách đối với huyện Điên Biên Đông hiện nay là giải quyết việc làm cho phần lớn lực lượng lao động tập trung ở nông nghiệp, nông thôn. Từ đó, giải quyết mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động cũng phải bắt đầu từ nông nghiệp trên địa bàn nông thôn.

3.1.2. Phương hướng cơ bản giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Điện Biên Đông

3.1.2.1.Đẩy mạnh phát triển kinh tế ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

Hiện nay huyện Điện Biên Đông vẫn là huyện thuần nông, dân số chủ yếu sống ở nông thôn; vì vậy đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng

hàng đầu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động. Trong quá trình đó, cần phải quan tâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo các hướng sau:

Phát huy lợi thế của các sản phẩm nông nghiệp đã có tiếng trên thị trường để xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, tiếp tục làm chuyển biến nhận thức đối với người dân về tầm quan trọng của nông nghiệp, nông thôn, thực hiện đầu tư theo chiều sâu để chuyển nhanh sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ chuyển sang sản xuất hàng hóa. Ưu tiên phát triển các mặt hàng có khả năng xuất khẩu hoặc đưa vào hệ thống các siêu thị trên cả nước như gạo nếp nương hạt to của đồng bào dân tộc mông, nếp tan của xã Pu Nhi, Luân Giới, lạc đỏ tại xã Na Son, bí xanh tại xã Tìa Dình, khoai sọ tại Phì Nhừ...Quy hoạch lại việc chăn nuôi gia súc lớn như chăn nuôi trâu, bò, dê theo hướng cung cấp sản phẩm ra thị trường để phát triển ngành chăn nuôi trên địa bàn, tận dụng các diện tích đất khó sản xuất để trồng cỏ phục vụ cho chăn nuôi trâu, bò.

Quy hoạch lại vấn đề phát triển nông nghiệp theo hướng mỗi xã một sản phẩm để phục vụ thị trường; đưa một số loại cây mới có giá trị cao để trồng thử nghiệm và phát triển rộng hơn như sâm ngọc linh, cây mắc ca, cây sa nhân và một số cây ăn quả về triển khai tại một số xã trên địa bàn có điều kiện về địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp. Đẩy mạnh việc chuyển đổi cây trồng theo hướng giảm diện tích đất trồng ngô, trồng sắn, đất trồng lúa với năng xuất thấp sang trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao tại địa phương như bưởi tại xã Luân Giới, dưa đặc ruột của người mông nhằm phục vụ cho thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.

Thực hiện việc quy hoạch đất rừng, việc trồng rừng sản xuất để vừa tăng độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sống, môi trường nước tạo thêm việc cho lao động nông thôn cũng như thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

Chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn; đưa một

phần lao động nông nghiệp sang làm nghề phi nông nghiệp giải quyết việc làm cho lao động lúc nông nhàn. Xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành các cơ sở công nghiệp chế biến và sơ chếcác mặt hàng trong nông nghiệp trên địa bàn.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại - dịch vụ cho các sản phẩm đầu ra trên địa bàn, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, sản xuất với thị trường, hình thành sự liên kết chặt chẽ nông-công nghiệp- dịch vụ - thị trường để người lao động thay đổi việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động ngay trên mảnh đất mình sinh sống theo hướng, thực hiện "Ly nông, không ly hương". Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất mà cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn huyện cần thực hiện để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn trên địa bàn.

Ưu tiên phát triển sản xuất, chú trọng phát huy nguồn lực con người, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Kết hợp chặt chẽ các vấn đề kinh tế với các vấn đề xã hội; từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nhằm giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn địnhchính trị - xã hội.

3.1.2.2. Khuyến khích hỗ trợ thành lập mới các doanh nghiệpthu hút đầu vào địa bàn

Là một huyện có nền kinh tế thuần nông, lực lượng lao động dồi dào nhưng chất lượng nguồn lao động thấp. Vì vậy, phát triển các loại hình doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ là rất phù hợp với trình độ của người lao động, phù hợp với khả năng huy động vốn. Thực tiễn những năm qua khẳng định việc phát triển các loại hình doanh nghiệp trên đã giải quyết việc làm cho nhiều người lao động. Từ đó, cho thấy nếu huyện có cơ chế chính sách

khuyến khích, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ thì số lao động có việc làm ngày càng tăng lên hơn nữa. Muốn vậy cần phải thực hiện tốt một số định hướng sau:

Có các chủ trương,chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng có hiệu quả Luật doanh nghiệp vào cuộc sống; tích cực mở các lớp dạy nghề để nâng cao chất lượng người lao động, nhưng phải gắn với nhu cầu sử dụng của doan nghiệp, của thị trường lao động để nâng cao chất lượng nguồn lao động phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

Có cơ chế thông thoáng trong việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình giải phóng mặt bằng, thuê và sử dụng đất.

Mở rộng các mô hình nghiên cứu, ứng dụng, lựa chọn công nghệ phù hợp với trình độ của lao động hiện có; tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển lao động và tư liệu sản xuất từ ngành, lĩnh vực này sang ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác dễ dàng.

3.1.2.3. Đẩy mạnh phát triển ngành thương mại – dịch vụ

Thương mai, dịch vụ tuy là hoạt động sản xuất không trực tiếp làm gia sản phẩm hàng hóa cho xã hội, tuy nhiên vai trò của thương mại – dịch vụ lại có tầm ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia cũng như một địa phương, xã hội có phát triển được không, các ngành sản xuất có phát triển được hay bị đình trệ là phụ thuộc vào ngành thương mại, dịch vụ. Vì vậy để phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch kinh tế hàng hóa, tạo ra được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn trên địa bàn thì nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động thương mai - dịch vụ là hướng đi bắt buộc mà huyện phải tập trung thực hiện.

3.1.2.4. Củng cố, nâng cao chất lượng của cơ sở dạy nghề, thực hiện tốt công

tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng cho lao động nông thôn.

Để giải quyết có hiệu quả vấn đề về việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn, khắc phục được những hạn chế về chất lượng lao động, việc làm trong thời gian qua thì yếu tố về chất lượng người lao động rất quan trọng, nó thể hiện qua trình độ tay nghề, nhận thức, kỹ năng nghề và hiệu quả làm việc của người lao động. Để thực hiện được những nhiệm vụ đó huyện Điện Biên Đông cần thực hiện một số nhiệm vụ chính sau:

Kiện toàn lại đội ngũ cán bộ giáo viên thực hiện nhiệm vụ dạy nghề trên địa bàn; tạo điều kiện khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

Xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với chiến lược giảm nghèo bền vững của huyện.

Bổ sung, hoàn thiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần giảm nghèo bền vững.

Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần giảm nghèo bền vững.

3.1.2.5. Đẩy mạnh việc đầu tư, phát triển thị trường lao động trên địa bàn

Thị trường lao động là nơi diễn ra các giao dịch về việc làm, nơi đưa người lao động và người sử dụng lao động gặp gỡ để thực hiện các giao dịch nhằm mang đến các lợi ích về việc làm cho người lao động và sự thỏa mãn về nhu cầu sử dụng lao động của người sử dụng lao động, để từng bước xây dựng được thị trường lao động trên địa bàn huyện có hiệu quả, huyện Điện Biên Đông cần thực hiện những nhiệm vụ cốt lõi sau:

Tiếp tục quan tâm duy trì các mối quan hệ thị trường lao động hiện có; đẩy mạnh việc khai thác các thị trường lao động mới để mở rộng thị trường lao động cho lao động trên địa bàn huyện tham gia.

Huyện cần thực hiện tốt hoạt động phối hớp trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh cũng như các trung tâm dịch vụ việc làm khác trên cả nước để có thể hỗ trợ, cung cấp, kết nối thông tin giữa người sử dụng lao động và người lao động. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm.

Xây dựng, thiết kế trang thông tin điện tử về việc làm của huyện Điện Biên Đông để tạo gia các kênh thông tin về việc làm, phục vụ người lao động trên địa bàn huyện.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ hiện có thành lập mới trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn; kết hợp với khuyến khích các tổ chức, cá nhân có điều kiện thành lập các trung tâm dịch vụ việc làm tư nhân trên địa bàn.

3.1.2.6. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Trong điều kiện kinh tế xã hội của việt nam nói chung và của Điện Biên Đông nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn trong việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nên hoạt động đưa người lao động trên địa bàn huyện tham gia đi làm việc ở nước ngoài trong thời gian tới vẫn là hướng đi tích cực, hiệu quả trong thực hiện xóa đói, giảm nghèo cho người lao động trên địa bàn.

Huyện Điện Biên Đông cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, có các chính sách cụ thể hơn nữa trong việc hỗ trợ người lao động trên địa bàn tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người lao động, nhất là hỗ trợ về vốn, tục hồ sơ để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.1.2.7. Thực hiện có hiệu quả các chương trình vay vốn tạo việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn

Để sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho vay trong khi nguồn ngân sách hàng năm được bổ sung còn có hạn giúp người lao động khu vực nông thôn giải quyết được việc làm, huyện cần đẩy mạnh.

Tiếp tục công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cơ chế, chính sách cho vay vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm của Nhà nước tới người dân trên địa bàn huyện.

Đẩy mạnh hoạt động cho vay vốn cho lao động nông thôn trên địa bàn từ các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước qua các chương trình cho vay vốn; thực hiện huy động triệt để nguồn vốn nhàn dỗi trong nhân dân để thực hiện cho vay, đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động cho vay vốn trên địa bàn; kịp thời phát hiện, sử lý những tồn tại trong hoạt động cho vay vốn để nâng cao hiệu quả cho vay vốn tạo việc làm cho lao động nông thôn.

3.2. Những giải pháp chủ yếu giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Điện Biên Đông trong thời gian tới

3.2.1. Nhóm các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

3.2.1.1.Tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa–hiện đại hóa nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp

a) Mục tiêu thực hiện

Đẩy mạnh việc chuyển đổi về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, áp dụng công nghề hiện đại vào sản xuất hàng hóa phục vụ cho thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Hàng năm duy trì việc làm có thu nhập ổn định, từng bước nâng cao thu nhập cho khoảng 27.545 lao động và giải quyết việc làm mới cho từ 500-600 lao động/năm.

Nâng mức thu nhập bình quân đầu người của lao động khu vực nông thôn tăng từ 10,5 triệu đồng/người/năm (năm 2018) lên 20triệu đồng/người/năm vào năm 2025 và tăng lên 30 triệu đồng/người/năm vào năm 2030.

Giảm dần tỷ lệ lao động làm việc trong ngành nông – lâm –ngư nghiệp từ 78,04% năm 2018 xuống còn 69% vào năm 2025 và còn 55% vào năm 2030. Tăng tỷ lệ lao động làm công nghiệp – xây dựng từ 11,35% năm 2018 lên 16% vào năm 2025 và tăng lên 23,5% vào năm 2030. Tăng tỷ lệ lao động làm việc trong ngành dịch vụ từ 10,61% năm 2018 lên 15% vào năm 2025 và 21,5% vào năm 2030.

b) Nội dung thực hiện

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là giống, cây trồng, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng bằng công nghệ sinh học như: Gạo nếp nương hạt to, nếp cẩm của bà con đồng bào dân tộc Mông, gạo nếp tan của xã Pu Nhi, xã Luân Giới, Lạc đỏ xã Na Son, bí xanh xã Tìa Dình, khoai sọ tại xã Keo Lôm, Phì Nhừ, bưởi xã Luân Giới theo tiêu chuẩn VietGapđể phục vụ cung ứng cho các siêu thị trên cả nước và định hướng xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

+ Dự kiến diện tích trồng lúa nếp nương hạt to hàng năm khoảng 5.024ha với tổng sản lượng là 7.034 tấn với giá trị là 12.661 triệu đồng.

+ Triển khai thực hiện trồng 200ha lạc đỏ tại xã Na Son mỗi năm với sản lượng là 13,2 tấn/ha; thu nhập dự kiến là 66,5 triệuđồng/ha.

+ Thực hiện trồng 50 ha/năm bí xanh tại xã Tìa Dình, với năng xuất là 87 ta/hạ; thu nhập bình quân 78 triệu đồng/ha.

+ Thực hiện xây dựng triển khai công nghệ VietGap vào để trồng lúa nếp tan tại xã Luân Giới, Pu Nhi; Mở rộng diện tích từ 200 ha hiện nay lên 500ha, với năng xuất 38,7 tấn/ha; thu nhập 58,05 triệu đồng/ha.

Đẩy mạnh hoạt động chăn nuôi gia xúc lớn trên địa bàn như trâu, bò, dê, lợn để tăng thêm thu nhập cho người lao động.

+ Phát huy thế mạnh về diện tích tự nhiên rộng, hiện nay trên địa bàn huyện còn có tới 12.789,27 ha đất tự nhiên không được sử dụng thường xuyên do địa hình khó canh tác. Cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn huyện cần tập trung chỉ đạo nhân dân trên địa bàn đẩy mạnh việc trồng cỏ để chăn nuôi trâu, bò, dê theo hướng tự nhiên để lấy thịt; nâng tổng số đàn bò từ 25.731 con năm 2018 lên 51.462 con vào năm 2025; nâng số đàn trâu từ 16.244 con năm 2018 lên 32.500 con vào năm 2025; đàn dê từ 14.832 con lên 29.664 con vào năm 2025.

+ Ngoài ra huyện tập trung thực hiện đẩy mạnh chăn nuôi lợn lấy thịt theo hướng hỗ trợ nhân dân trên địa bàn đưa giống lợn siêu nạc của mỹ nuôi thay thế giống lợn đen, tai nhỏ nhiều mỡ của địa phương. Theo kế hoạch huyện sẽ nâng tổng số đàn lợn trên địa bàn huyện từ 39.402 con năm 2018 lên 69.000 con vào năm 2025, bình quân mỗi năm tăng khoảng 5.000 con.

Tập trung đầu tư, nhân rộng mô hình trồng cây ăn trái phục vụ tiêu thụ tại địa phương, cũng như bán ra thị trường: mở rộng diện tích trồng bưởi xã Luân Giới, nâng diện tích trồng bưởi từ 126 ha hiện nay lên 300 ha vào năm 2025; thực hiện tốt mô hình trồng 500 ha cam sành tại xã Pú Hồng. Triển khai chuyển giao khoa học kỹ thuật, mở rộng diện tích trồng nhãn cùi đã được trồng thí điểm tại khu vực các xã: Mường Luân, Luân Giới, Chiềng Sơ theo kế hoạch trồng 1500 ha.

Đẩy mạnh việc khai hoang qua hình thức tận dụng các diện tích đất bạc màu qua nhiều năm canh tác gần các nguồn nước có khả năng thực hiện làm ruộng bậc thang để tăng vụ sản xuất từ 01 vụ mùa thành 02 vụ, tiến hành khai hoang, tạo ruộng bậc thang thêm từ 200-250 ha.

Tập trung thực hiện nghiên cứu, triển khai trồng giống cây sâm Ngọc linh tại khu vực núi có đội cao trên 1000mso với mặt nước biển, nhiệt độ < 20^0c tại khu vực 03 xã Keo Lôm, Háng Lìa, Xa Dung có điều kiện tương đồng với độ cao, khí hậu, thổ nhưỡng tại khu vực tỉnh Kon Tum. Trong thời gian tới huyện dự kiến sẽ đưa vào trồng thực nghiệm 50ha vào năm 2020 và nhân dân lên 300 ha vào năm 2025.

Làm tốt công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phù hợp với hoạt động của công nghệ mới trong nông nghệp như: khai thác các công trình thủy lợi, giao thông, điện nông thôn tại các xã còn khó khăn trên địa bàn để phục vụ cho sản xuất nôn nghiệp.

Thực hiện quy hoạch lại đất, tận dụng diện tích đất bạc màu, bỏ không của người dân tăng cường công tác trồng rừng sản xuất. Huyện sẽ tiến hành hỗ trợ về cây giống cho nhân dân, bình quân mỗi năm thực hiện trồng mới khoảng400ha rừng, đến năm 2025 trồng mới và khoanh nuôi được khoảng 2.400 ha rừng.

3.2.1.2.Đẩy mạnh phát triển lĩnh vực công nghiệp – xây dựng

a) Mục tiêu thực hiện

Để phát triển nền kinh tế hài hòa, hướng tới phát trển nền kinh tế, nâng cao đời sống, thu nhập của người lao động nông thôn tại địa phương thì việc đẩy mạnh phát triển lĩnh vực công nghiệp là nhu cầu tất yếu. Với lợi thế về địa hình cùng một số tài nguyên thiên nhiên sẵn có trên địa bàn. Huyện Điện Biên Đông cần có nhiều chính sách để kêu gọi đầu tư, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng Phấn đấu đến năm 2025tỷ lao động khu vực nông thôn trên địa bàn làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 16%; đến năm 2030 tăng lên 23,5%. Duy trì việc làm cho khoảng 1.800 lao động

đang làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng trên bàn, mỗi năm bình quân giải quyết việc làm mới thêm cho khoảng 400-500 lao động.

Nâng thu nhập bình quân cho lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng từ 4,5 triệu đồng/người/tháng năm 2018 lên 7 triệu đồng/người/tháng vào năm 2025 và 10 triệu đồng/người/tháng vào năm 2030.

Nâng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn huyện từ 27 doanh nghiệp năm 2018 lên 50 doanh nghiệp vào năm 2025; nâng số hợp tác xã từ 04 hợp tác xã lên 15 hợp tác xã.

Nâng giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng trên địa bàn huyện từ 168,114 tỷ đồng trong năm 2018 lên 350 tỷ đồng năm 2025 và 500 tỷ đồng năm 2030.

b) Nội dung thực hiện

Để nâng tỷ lệ lao động lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, trước hết huyện cần tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện mở rộng sản xuất, kèm theo đó có những cam kết với các doanh nghiệp trong vấn đề ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương vào làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn.

Thực hiện việc thu hút đầu tư thông qua xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước, có chính sách ưu đãi như đất, điều kiện mặt bằng, ưu đãi thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp.

Ưu tiên hoạt động vay vốn cho các doanh nghiệp có mô hình hoạt động hiệu quả, thu hút được nhiều lao động vào làm việc để hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm cho doanh nghiệp phát triển.

Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy sự năng động của doanh nghiệp.

Tiếp tục ưu tiên, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp triển khai xây dựng thủy điện Sông Mã 1, Sông Mã 2 theo phê duyệt của UBND tỉnh trên địa bàn xã Mường Luân, xã Chiềng Sơ

Đẩy mạnh việc sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến nông sản trên địa bàn phục vụ nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, vì ngành này sẽ thu hút được nhiều lao động vào làm việc với quy mô thị trường của ngành lớn, nhu cầu việc về vật liệu xây dựng trong phục vụ phát triển kinh tế của huyện ngày càng tăng dựa trên lợi thế về nguồn nguyên liệu có sẵn phong phú từ các mỏ đá lớn trên địa bàn.

Củng cố, phát triển nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp, các hợp tác xã hiện có đang hoạt động, đồng thời xây dựng mới các nhà máy, các ngành có lợi thế về sử dụng nguyên liệu tại chỗ, có thị trường cung cấp và tiêu thụ sản phẩm ổn định và có khả năng xuất khẩu như chế biến thực phẩm.

Quy hoạch lại các điểm khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển các ngành, nghề mới ở nông thôn có sức cạnh tranh trên thị trường thông qua việc hỗ trợ vốn, ưu đãi tín dụng, hình thành các quỹ khuyến công, khuyến thương để cho vay dài hạn từ việc huy động của các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời có chính sách miễn, giảm thuế cho những nghề mới, những cơ sở thử nghiệm. Thực hiện việc xây dựng hạ tầng, mặt bằng sản xuất, cung cấp điện, nước, bảo vệ môi trường.

3.2.1.3.Chuyển dịch cơ cấu ngành thương mại - dịch vụ

a) Mục tiêu thực hiện

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa ngành thương mại, dịch vụ phát triển nhanh, nâng tỷ lệ lao động làm việc trong ngành thương mại, dịch vụ từ 10,61% năm 2018 lên 15% vào năm 2025 và 21,5% vào năm 2030.

Thu nhập bình quân đầu người của lao động khu vực nông thôn hoạt động trong ngành thương mại, dịch vụ từ 5 triệu đồng/người/tháng lên 8 triệu đồng/người/tháng vào năm 2025 và 10 triệu đồng/người/tháng năm 2030.

Tổng giá trị ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện tăng từ 102,57 tỷ đồng năm 2018 lên 150 tỷ đồng/năm vào năm 2025 và 250 tỷ đồng vào năm 2030.

b) Nội dung thực hiện

Ưu tiên đầu tư phát triển du lịch văn hóa dân tộc trên địa bàn. Thực hiện các chính sách nhằm thu hút đầu tư vào du lịch, tạo ra hệ thống cơ sở vật chất du lịch có chất lượng cao, đồng bộ; tạo thêm nhiều sản phẩm du lịch đặc thù mang bản sắc của địa phương có khả năng phát triển; bảo vệ, tôn tạo và phát triển các di sản văn hóa trên địa bàn như tháp Mường Luân, tháp Chiềng Sơ, hang Mường Tỉnh, hồ Nong U và cải thiện môi trường du lịch.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị được tham gia hội chợ, triển lãm, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, đồng thời thực hiện tốt quản lý thị trường, chống buôn lậu, tạo lập trật tự thương mại hiệu quả. Khai thác tối đa các trung tâm hoạt động thương mại hiện có như các điểm trợ, các khu vực kinh doanh thương mại, dịch vụ ở cơ sở các xã, mở rộng thị trường nông thôn tạo điều kiện cho các hộ nông dân có môi trường thuận lợi để được giao lưu hàng hóa dịch vụ. Xây dựng, hình thành các khu tiêu thụ (chợ) sản phẩm nông ghiệp, tạo ra các phiên chợ nông sản để phục vụ hoạt động tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tăng cường xúc tiến hoạt động thương mại, dịch vụ trong nông nghiệp nhằm hỗ trợ sản xuất như cung ứng vật tư kỹ thuật, vận tải, sơ chế các mặt

hàng nông sản, thủy sản. Đẩy mạnh công tác dự báo và phát triển trị trường tiêu thụ cho nông nghiệp góp phần chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp nhằm giải quyết việc làm cho lao động, khắc phục tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp.

Trú trọng phát triển ngành dịch vụ vận tải, bưu điện, tài chính, ngân hàng. Đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ thông tin, tư vấn pháp lý, tư vấn kỹ thuật, tư vấn kinh doanh du lịch…, có cơ chế đầu tư theo hướng đa dạng hóa các thành phần kinh tế, hình thức tổ chức và loại hình dịch vụ.

Đẩy mạnh hoạt động đầu tư mở rộng, nâng cấpcác tuyến đường giao thông như đường đi Xa Dung – Mường Lặn, đường Chiềng Sơ nối liền huyện Sông Mã của tỉnh Sơn La để tạo điều kiện lưu thông, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường hàng hóa.

3.2.1.4.Chủ thể thực hiện

Trung ương, cấp tỉnh cần quan tâm thực hiện hỗ trợ nguồn lực về vốn để bố trí cho cấp huyện trong việcchuyển dịch cơ cấu thị trường theo nhu cầu.

Lãnh đạo cấp ủy tập trung chỉ đạo quyết liệt, đẩy mạnh phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên địa bàn, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất để lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng đi cho huyện.

Hội đồng nhân dân huyện hàng năm cần tập trung phê duyệt nguồn vốn do Trung ương cấp, thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề, giám sát thường xuyên để nâng cao tinh thần trách nhiệm của các phòng, ban, UBND cấp xã trong quá trình thực hiện.

Chính quyền cấp huyện tập trung nguồn lực, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp, đơn vị; tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn. Tích cực vào cuộc trong công tác lãnh đạo các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện kế hoạch.

Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì giúp UBND huyện thực hiện quản lý nhà nước, hoạt động tổ chức triển khai chuyển đổi về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn, ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Phòng Kinh tế - Hạ tầng có tránh nhiệm tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng các cơ sở chế biến sản phẩm trên địa bàn phục vụ nhu cầu của nhân dân. Phối hới Ban quản lý các công trình của huyện thực hiện tham mưu đầu tư về cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu.

Phòng Tài nguyên môi trường thực hiện quản lý hiệu quả về nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn phục vụ nhu cầu khai thác, cung ứng cho hoạt động công nghiệp – xây dựng trong thời gian tới, đặc biệt là sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên về đá xây dựng, cát sỏi trên địa bàn; các nguồn khoáng sản như trì, than...

Trạm khuyến nông – khuyến ngư chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho người lao động khu vực nông thôn, hướng dẫn cầm tay chỉ việc trong hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp cho người dân trong quá trình áp dụng khoa học, kỹ thuật để thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

Phòng Văn hóa thông tin và tuyên truyền huyện có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện trong việc thực hiện tu sửa lại các di tích lịch sử trên địa bàn huyện như: Tháp Mường Luân, tháp Chiềng sơ, hang Mường tỉnh để thu hút du khách địa phương đến tham quan du lịch các di tích lịch sử văn hóa. Cải thiện hệ sinh thái, phát triển du lịch lòng hồ đối với các khu vực lòng hồ tại thủy điện trên Sông Mã tại khu vực xã Mường Luân, Chiềng Sơ, Phì Nhừ. Quy hoạch lại các hoạt động văn hóa, cá món ăn dân tộc trên địa bàn phục vụ cho nhiệm vụ phát triển dụ lịch văn hóa dân tộc với các phong tục tập quán gắn liền với các món ăn dân tộc.

Các ban, ngành đoàn thể các cấp để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân trên địa bàn chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng đất; thực hiện việc hiến đất, giao đất cho các doanh nghiệp khi triển khai các công trình về cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch đã được phê duyệt tránh tình trạng vướng mắc về mặt bằng không thể thi công được, thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn.

UBND cấp xã là đơn vị trực tiếp tại cơ sở tích cực vào cuộc lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với kế hoạch tổng thể của huyện.

Đối với các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hoạt động đầu tư, chủ động về vốn, đổi mới công nghệ, chủ động thị trường đầu ra cho sản phẩm đáp ứng nhu cầu khai thác, sản xuất hiệu quả.

Đối với nhân dân cần phát huy tinh thần tự lực, tự cường để vươn lên, tập trung nguồn lực hiện có vào sản xuất để đẩy mạnh chuyển đổi về cây trồng, vật nuôi.

3.2.2.Giải pháp thực hiện có hiệu quả các chương trình vay vốn tạo việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn

a) Mục tiêu thực hiện

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồnvốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nguồn vốn từ phòng Giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện, trong đó ưu tiến thực hiện nguồn vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Bình quân mỗi năm cả Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyệnthực hiện doanh số cho vay đạt 78.290 triệu đồng, đáp ứng nhu cầu cho 1.350 hộ được vay vốn, giải

quyết việc làm mới cho 200 lao động khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập cho khoản 1000 hộ/năm.

b) Nội dung thực hiện

Đẩy mạnh hoạt động cho vay vốn từ nguồn vốn được giao quản lý của phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện là 281.473 triệu đồng; ngồn vốn của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện là 77.500 triệu đồng để tạo điều kiện cho người dân trên địa bàn huyện được vay vốn đúng đối tượng, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người lao động.

Chủ động khai thác những nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, lãi xuất thấp tại địa phương, các chương trình dự án tài trợ khác cho chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm để đảm bảo nguồn vốn vay cho người lao động. Về đối tượng cho vay vốn phải được thực hiện nghiêm túc, theo quy định.

c) Chủ thể thực hiện

Trung ương, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cần tăng nguồn vốn cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện để đáp ứng nhu cầu vay.

Cấp ủy đảng và chính quyền cấp huyện, cấp xã,Ban quản lý quỹ của chương trình cho vay thường xuyên chỉ đạo, giám sát chặt chẽ hoạt động cho vay và hoạt động vay vốn để đảm hiệu quả.

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện với lãnh đạo chính quyền địa phương, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, các tổ chức xã hội tham gia hợp đồng uỷ thác, các đơn vị tham gia cho vay vốn. Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ chức thực hiện, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sửa chữa những sai sót trong thực tiễn điều hành, đảm bảo sử dụng nguồn vốn cho vay có hiệu quả, đúng mục đích. Củng cố, nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của các điểm giao dịch tại xã, tổ tiết kiệm cho vay vốn. Đối với

công tác tập huấn bồi dưỡng kiến thức liên qua đến công tác quản lý, cho vay vốn đối với tổ trưởng tổ vay vốn phải thường xuyên được quan tâm thực hiện.

Cấp xã, các tổ vay vốn ở cơ sở phối hợp tốt với phòng Giao dịch ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn làm tốt công tác thẩm định, lựa chọn dự án có tính khả thi để cho vay; đảm bảo các hộ nghèo, khó khăn được vay vốn; đặc biệt ưu tiên nguồn vốn để phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn hoạt động trên các lĩnh vực công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, dịch vụ, phát triển trang trại, chế biến thức ăn gia súc phục vụ các trang trại chăn nuôi tập trung.

Các đơn vị liên quan trong công tác quản lý nguồn vốn vay tích cực vào cuộc và nâng cao vai trò, trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tiêu cực, bất cập trong hoạt động cho vay vốn.

3.2.3. Tạo việc làm cho lao động ở nông thôn qua nhiệm vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (xuất khẩu lao động)

a) Mục tiêu thực hiện

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bình quân mỗi năm đưa từ 100 lao động trên địa bàn huyện tham gia đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng.

b) Nội dung thực hiện

Thực hiện tốt hoạt động tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn về Luật đưa người Việt Nam đi làm việc có kỳ hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên các phương tiện thông tin tại địa phương và trong các tổ chức đoàn thể; thông báo công khai về thị trường lao động, số lượng, thời gian, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện lao động, chi phí xuất cảnh cũng như thu nhập của người lao động sau khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tuyên truyền pháp luật về lao động của

nước sở tại khi người lao động đến làm việc để người lao động tìm hiểu và có kế hoạch lựa chọn tham gia xuất khẩu lao động.

Xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên tại cơ sở tham gia tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn. Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước trong hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định.

Thành lập riêng quỹ hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của huyện để có thể hỗ trợ, động viên cho người lao động là những hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số khi đi xuất khẩu lao động khoảng 5 triệu đồng/người.

Xây dựng chương trình hậu xuất khẩu lao động để một mặt tận dụng nguồn vốn, tay nghề, kinh nghiệm của lao động ở nước ngoài trở về địa phương, mặt khác tạo sự ổn định kinh tế xã hội ở địa phương có lao động tham gia xuất khẩu lao động.

c) Chủ thể thực hiện

Cấp trung ương, cấp tỉnh cần đẩy mạnh hơn nữa trong việc ký kết các thỏa thuận về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực việc làm để tạo ra những thị trường mới có thu nhập cao, yêu cầu đòi hỏi về chất lượng lao động phù hợp với người lao động Việt Nam để lao động trên địa bàn huyện tham gia.

Cấp ủy, chính quyền tích cực vào cuộc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn vốn thực hiện.

Hội đồng nhân dân huyện hàng năm cần quan tâm phê duyệt nguồn kinh phí đảm bảo cho cho các cơ quan tuyên truyền, cơ quan trực tiếp thực hiện chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Phòng Lao động – TB&XH là cơ quan thường trực giúp UBND huyện xây dựng kế hoạch, thực hiện công tác quản lý nhà nước, giải quyết các vấn đề liên quan điến việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,

thực hiện hoạt động đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường, phối hợp tốt với các đơn vị doanh nghiệp xuất khẩu lao, các cơ quan liên quan để hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu. Thiết lập hệ thống dữ liệu quản lý người lao động xuất khẩu và thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả người lao động đi xuất khẩu làm cơ sở để cập nhật các dữ liệu được chính xác.

Các ban, ngành đoàn thể cấp huyện chỉ đạo các ban, ngành đoàn thể cấp xã và phối hợp tốt với phòng Lao động – TB&XH đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động để đưa người lao động đi làm viêc đạt chỉ tiêu kế hoạch.

Đối với công an huyện, phòng tư pháp, Trung tâm y tế huyện cần tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc hỗ trợ người lao động về giấy tờ liên quan như chứng minh thư nhân dân, xác minh lý lịch tư pháp, kiểm tra sức khỏe…

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện cần chủ động bố trí nguồn vốn vay theo quy định, kịp thời hỗ trợ người lao động trong hoạt động vay vốn tham gia xuất khẩu lao động.

Các doanh nghiệp thực hiện đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang thực hiện tuyển dụng lao động trên địa bàn chủ động trong việc khai thác các thị trường mới hỗ trợ người lao động các vấn đề liên quan từ thủ tục hồ sơ, vay vốn, giải quyết các vấn đề phát sinh khi lao động đã đi làm tại nước ngoài để tạo được niềm tin của người lao động và gia đình người lao động yên tâm cho con em đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Đối với UBND cấp xã phối hợp tốt với các phòng, ban liên quan cấp huyện thực hiện tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, quản lý người lao động tại địa phương, hỗ trợ các thủ tục hồ sơ pháp lý tại cơ sở để giúp đỡ người lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.2.4. Củng cố, nâng cao chất lượng của cơ sở dạy nghề, thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng cho lao động nông thôn

a) Mục tiêu thực hiện

Nâng cao chất lượng các cơ sở dạy nghề đáp ứng nhu cầu học và thực hành nghề đối với học viên tham gia học nghề.Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức của các cơ sở dạy nghề, nhất là đối với lực lượng giáo viên trực tiếp tham gia đào tạo nghề đảm bảo yêu cầu dạy nghề trong thời kỳ mới.

Trong giai đoạn từ 2020-2025 thực hiện đào tạo nghề cho khoảng 6000 lao động nông thôn trên địa bàn huyện, nâng tỷ lệ lao động nông thônqua đào tạo nghề trênđịa bàn từ 24,62% năm 2018 lên 38,5% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030.Số người có việc làm hoặc chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề có thu nhập ổn định đạt trên 75%.

b) Nội dung thực hiện

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, phương tiện dạy học cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên của huyện theo hướng hiện đại, vững chắc. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập mới cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trên địa bàn trong công tác đào tạo nghề theo hướng lồng nghép giữa đào tạo lý thuyết tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên của huyện với thực hành thực tế tại các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất đang sử dụng lao động tương đồng với nghề mà người lao động đang theo học.

Tập trung bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm, cập nhật kiến thức kỹ thuật công nghệ mới cho đội ngũ giáo viên dạy nghề; có cơ chế, chính sách thu hút người có học vị cao, có kinh nghiệm, các nghệ nhân, thợ giỏi về làm giáo viên ở các cơ sở dạy nghề; tổ chức thường xuyên phong trào luyện tay nghề, thi thợ giỏi, giáo viên giỏi; có chính sách động viên, khen thưởng thoả đáng và tôn vinh giá trị xã hội cho những người đạt tiêu chuẩn thợ giỏi, giáo viên giỏi.

Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - khuyến ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

Tăng biên chế đối giáo viên cơ hữu đối với trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên của huyện đảm bảo đủ về số lượng theo quy định 20 học sinh quy đổi/01 giáo viên, giáo viên dạy nghề phải đảm bảo có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, đạt chuẩn trình độ đào tạo về lý thuyết và thực hành, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, có trình độ tin học, ngoại ngữ để áp dụng vào giảng dạy.

Đẩy mạnh công thác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác đào tạo nghề. Tuyên truyền phải làm thay đổi được nhận thức của lao động nông thôn, làm cho người lao động nông thôn xác định được đào tạo nghề và giải quyết việc làm là điều kiện để nâng cao thu nhập, tay nghề, đáp ứng nhu cầu trong tuyển dụng, sử dụng lao động.

Từng bước thực hiện xã hội hoá công tác dạy nghề trên địa bànnhằm hướng đến nguồn lao động có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu lao động và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện.Nội dung xã hội hoá dạy nghề phải có bước đi thích hợp, phù hợp với từng đối tượng, từng nghề nhất định để bảo đảm tính hệ thống trong đào tạo nguồn nhân lực và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế ngày một sâu, rộng.

c) Chủ thể thực hiện

UBND huyện hàng năm bố trí nguồn ngân sách đảm bảo để triển khai đầu tư về chang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo nghề, bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định.

Phòng Lao động – TB&XH huyện là cơ quan giúp UBND huyện quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề cần nâng cao hiệu quả quản lý đối với

công tác đào tạo nghề. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác đào tào nghề, nắm chắc tình hình hoạt động, theo dõi việc thực hiện chính sách, chế độ, quy chế hoạt động, nội dung chương trình và chất lượng đào tạo của cơ sở dạy nghề.

Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, các cơ sở tham gia dạy nghề trên địa bàn Đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho lao động nông thôn, trong đó đặc biệt quan trọng là xác định nghề để dạy, xác định ngành nghề đào tạo phải căn cứ năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề, nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong thời gian tới.

UBND cấp xã thực hiện tốt hoạt động quản lý dạy nghề tại cơ sở, xác định đúng đối tượng, nhu cầu đào tạo nghề gắp với giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại địa phương để hoạt động đào tạo nghề đạt hiệu quả. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát với các lớp học trên địa bàn.

Đối với người học cần nêu cao tinh thần trách nhiệm tham gia học nghề, xác định học nghề là để tìm nghề, tìm kiếm cơ hội về việc làm, thu nhập để từng bước nâng cao chất lượng công việc, chất lượng cuộc sống.

3.2.5.Giải pháp đẩy mạnh việc đầu tư, phát triển thị trường lao động trên địa bàn

a) Mục tiêu thực hiện

Thực hiện các hoạt động kết nối thị trường cung – cầu lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động, hàng năm thực hiện việc kết nối việc làm trong nước cho trên5.000 lượt người tham gia, trong đó có khoảng trên 1.000 người tìm kiếm được việc làm từ hoạt động kết nối phát triển thị trường lao động.

b) Nội dung thực hiện

Trước mắt huyện cần thành lập Ban tuyên truyền, vận động, giải quyết việc làm tại cấp huyện, cấp xã. Ban tuyên truyền vận động cấp huyện gồm các thành viên là lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan trên địa bàn huyện, cán bộ thực hiện công tác lao động –TB&XH tại phòng Lao động – TB&XH, trưởng Ban là đồng chí phó chủ tịch UBND huyện, phó ban là lãnh đạo phòng Lao động – TB&XH huyện; cấp xã, đồng chí lãnh đạo UBND xã là trưởng ban, các ban, ngành, đoàn thể xã là thành viên cùng vào cuộc để thực chức năng tuyên truyền, quản lý, hỗ trợ, kết nối người lao động với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn huyện, tỉnh các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh.

Về lâu dài, huyện Điện Biên Đông cần quy hoạch, sắp xếp đội ngũ cán bộ công chức, viên chức hiện có, đề nghị với cấp tỉnh cho phép thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm công trên địa bàn huyện; kết hợp với khuyến khích các cá nhân có đủ điều kiện thành lập các trung tâm dịch vụ việc làm tư nhân để đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ, kết nối người lao động với người sử dụng lao động trong công tác giải quyết việc làm.

Xây dựng trang thông tin về thị trường lao động của huyện để tạo điều kiện cho người lao động có thể thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về lao động, việc làm, từ đây người lao động và người sử dụng lao động có thể kết nối với nhau. Xây dựng cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động,trên cơ sở đó đưa ra các dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về thị trường lao động.

Thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống các Trung tâm Dịch vụ việc làm, cơ sở hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn khi được thành lập. Một mặt giám sát hoạt động của các trung tâm theo quy định, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên thực hiện tại các trung tâm dịch vụ, cơ sở dịch vụ việc làm khi được thành lập.

Thúc đẩy và mở rộng hoạt động tổ chức hội chợ việc làm trên địa bàn huyện. Phát triển thị trường lao động theo hướng tăng cường các giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động.Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức cho người lao động; trú trọng định hướng đến nội dung đưa người lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh. Cung cấp các dịch vụ việc làm miễn phí đối với người lao động, người thiếu việc làm đã đăng ký việc làm, hỗ trợ trực tiếp việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn.

Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền huyện trong việc phối hợp với các doanh nghiệp, khu công nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn có sử dụng nhiều lao động để thực hiện liên kết, ký kết các thỏa thuận trong công tác tuyển dụng, bố trí việc làm cho người lao động.

c) Chủ thể thực hiện

Cấp tỉnh cần cho chủ trương thành lập trung tâm dịch vụ việc làm cấp huyện để đáp ứng nhu cầu của địa phương.

Cấp ủy đảng, chính quyền cấp huyện tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn lực về con người, nguồn lực về kinh tế để xây dựng thị trường lao động, nguồn lực cho hoạt động thông tin, tuyên truyền trong đó có thành lập trung tâm dịch vụ việc làm của huyện, xây dựng trang thông tin việc làm của huyện.

Phòng Lao động – TB&XH huyện là cơ quan giúp UBND huyện quản lý nhà nước về hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm nên cần đẩy mạnh việc hỗ trợ kết nối thông tin với các doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động hỗ trợ người lao động khi tham gia thị trường lao động.

Đối với Trung tâm dịch vụ việc làm của huyện khi được thành lập cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, hỗ trợ người lao động tham

gia thị trường lao động theo quy định, tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu của người lao động.

Đối với các ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn cần phát huy vai trò trong việc thực hiện các hoạt động thông tin tuyền truyền để hỗ trợ người lao động tham gia vào thị trường lao động hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Các doanh nghiệp trên địa bàn, các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động khác ngoài địa bàn cần phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, phòng Lao động – TB&XH huyện, Trung tâm dịch vụ việc làm (khi được thành lập) để kịp thời cung cấp các thông tin liên quan đến tuyển dụng và sử dụng lao động hàng năm, cùng phối hợp trong hoạt động tổ chức các phiên giao dịch hội trợ việc làm, các đợt tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở.

3.2.6.Nhóm giải phát triển và đa dạng hóa các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, để tạo việc làm cho lao động ở nông thôn

Phát triển và đa dạng hoá các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh với nhiều trình độ kỹ thuật và quy mô tổ chức khác nhau, thu hút nhiều lao động là hướng đi quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn trên địa bàn.

3.2.6.1.Phát triển kinh tế hộ gia đình

Trong nền kinh tế thị trường, kinh tế hộ gia đình phát triển hết sức linh hoạt, thích ứng nhanh với thị trường, góp phần phát triển sản xuất, tạo mở thêm được nhiều việc làm phù hợp với mọi lứa tuổi, mọi trình độ của người lao động. Phát triển kinh tế hộ gia đình sẽ tận dụng được các nguồn lực về đất, lao động dư thừa, huy động nguồn vốn nhàn dỗi trong dân cư, kinh nghiệm quản lý.Trong những năm tới, việc khuyến khích khu vực nông thôn đẩy mạnh kinh tế hộ gia đình phát triển trên địa bàn huyện cần tập trung vào những hướng sau:

+Từ nguồn ngân sách được trung ương hỗ trợ hàng năm tập trung hỗ trợ các hộ gia đình đình đẩy mạnh việc cải tạo nương ruộng bỏ hoang, cằn cỗi, sản xuất được một vụ thành các thửa ruộng bậc thang để có điều kiện sản xuất hai vụ, chất lượng đất canh tác ngày một tốt hơn mà không bị bạc màu, hỗ trợ con giống, cây trồng và kỹ thuật để các hộ nhanh chóng phát triển sản xuất, nhất là đối với các hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo trên địa bàn.

+Đẩy mạnh hỗ trợ nguồn vốn vay để các hộ khu vực nông thôn có điều kiện phát triển sản xuất. Trong đó, cần phân loại các loại hình để có chủ trương, định hướng cho vay phù hợp điều kiện phát triển của người dân. Cần quan tâm, tạo điều kiện hơn cho các hộ nghèo, hộ khó khăn vay để phát triển sản xuất. Cùng với việc cho vay vốn phải thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ về khoa học, kỹ thuật cho bà con trong sản xuất, kinh doanh, chi tiêu tiết kiệm để phát huy nguồn vốn, quay lại mở rộng đầu tư để tạo thêm được việc làm mới, tăng thu nhập.

+ Tăng cường công tác dịch vụ sản xuất như: Cung ứng vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, chuyển giao khoa học công nghệ và tiêu thụ sản phẩm cho hộ gia đình. Tạo hành lang pháp lý cho kinh tế hộ gia đình phát triển.

Những giải pháp trên sẽ tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình trên địa bàn huyện có điều kiện để phát triển, thu hút được mọi loại đối tượng lao động trong gia đình như phụ nữ, trẻ em, lao động lớn tuổi, lao động có trình độ văn hoá và chuyên môn thấp, tạo việc làm tại chỗ cho người lao động phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn huyện.

3.2.6.2. Phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là tổ hợp tác, hợp tác xã

Hiện nay trên địa bàn huyện Điện Biên Đông mới có 04 hợp tác xã với 86 xã viên đang hoạt động, mô hình hợp tác xã trong thời gian qua đã có đóng góp hiệu quả trong sự phát triển kinh tế của huyện, giải quyết được một số

việc làm, tăng thu nhập, giúp cho một số hộ gia đình có thể thoát gia hộ nghèo. Trong điều kiện Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, đời sống của nhân dân ngày một cải thiện, tính cạnh tranh trong tìm kiếm việc làm ngày một trở nên gay gắt hơn thì mô hình hợp tác xã hay tổ hợp tác là một mô hình kinh tế có nhiều ưu việt, linh hoạt và có thể quy tụ được sức mạnh tập thể, tạo lập mối quan hệ cộng đồng, sẽ giúp cho người lao động có điều kiện để sản xuất hàng hóa hiệu quả hơn, chủ động hơn về nguồn vốn thực hiện do có sự đóng góp về ngày công, kinh tế, kinh nghiệm của các thành viên.

Trong những năm tới huyện Điện Biên Đôngcần xác định phát triển kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác sẽ là hướng đi mới để phát triển kinh tế, nhất là trong nền kinh tế nông nghiệp nông thôn, đây cũng là điều kiện cốt lõi để giúp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp có thể thực hiện sản xuất hàng hóa lớn, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, chuyển đổi cây trồng trên địa bàn mang lại nhiều việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

Để mang lại hiệu quả, phát triển thêm được các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia phát triển kinh tế thì huyện cần tập trung xây dựng các hợp tác xã, tổ hợp tác theo hướng sau:

+ Cải tiến công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, phi nông nghiệp hiện có. Phát triển các hình thức đa dạng trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ, chế biến sau thu hoạch, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sinh vật cảnh… ở những nơi có nhu cầu và điều kiện.

+ Tập trung chỉ đạo để kiện toàn lại các hợp tác xã đã được thành lập và thành lập mới. Tổng kết những mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hiệu quả để

rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời tập trung hỗ trợ, kiện toàn các hợp tác xã còn gặp khó khăn để tạo sự chuyển biến đồng đều.

+ Ngoài thực hiện các chính sách ưu đãi các hợp tác xã do Nhà nước quy định, huyện cần có chính sách hỗ trợ các hợp tác xã phát triển như:

+ Bố trí mặt bằng cho các hợp tác xã xây trụ sở, xây các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ được miễn tiền thuế đất để sản xuất kinh doanh kể từ khi hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi theo luật hợp tác xã hoặc mới thành lập đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Được vay vốn ở các ngân hàng thương mại hay các tổ chức tín dụng để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật với chính sách ưu đãi.

+ Có chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách huyện đối với những hợp tác xã mới thành lập hay mới chuyển đổi. Các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn cần tập trung ưu tiên đầu tư cho các hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia vào dự án để từng bước nâng cao giái trị của các hợp tác xã, tổ hợp tác.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác về công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, tìm hiểu các chính sách phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã; có chính sách thu hút cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật về làm việc lâu dài tại các hợp tác xã; động viên, khen thưởng thích đáng với những cán bộ quản lý hợp tác xã làm việc hiệu quả.

KẾT LUẬN

Nước ta hiện nay đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng với nền kinh tế thế giới, vấn đề về giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng được Đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị đặc biệt quan tâm.Việc làm là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu, vừa cơ bản, vừa lâu dài, vừa bức xúc đối với hầu hết khắp các quốc gia trên thế giới, vấn đề giải quyết việc làm cho lao động, trong đó có lao động nông thôn làchìa khóa trong mọi chiến lược hướng vào xóa đói, giảm nghèo và tiến bộ xã hội.

Đối với huyện Điện Biên Đông, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn không những có ý nghĩa quyết định đến thành công trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xãtrong công tác phát triển kinh tế - xã hội bền vững mà còn thể hiện được năng lực trong quản lý xã hội được Nhà nước giao phó.

Hiện nay huyện Điện Biên Đông vẫn là huyện có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, đa số người dân sinh sống trên địa bàn huyện là người dân tộc thiểu số, tài nguyên có hạn, tốc độ phát triển kinh tế chậm, nhu cầu giải quyết việc làm hàng năm lớn. Vì vậy, vấn đề giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống của người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện.

Nhận thức được vị trí, vai trò của vấn đề giải quyết việc làm trong những năm qua, huyệnủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông đã có nhiều chủ trương, giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm. Những kết quả thu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, xóa đói giảm nghèo... bước đầu đã tạo ra việc làm cho trên 700 lao động mỗi

năm. Hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng lên, chất lượng nguồn lao động bước đầu có những tiến bộ qua tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề hàng năm tăng, người lao động dần dần đã đáp ứng được yêu cầu phát triển, truyền giao công nghề lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn, đáp ứng được yêu cầu của thị trường sức lao động của các doanh nghiệp sử dụng lao động.

Tuy nhiên, trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm của huyện còn bộc lộ nhiều hạn chế, tồn tại: số người thiếu việc làm cao đang là đặc trưng phổ biến ở khu vực nông thôn, thu nhập của người lao động khu vực nông thôn còn rất thấp mới đạt trên 10,5 triệu đồng/người/năm. Mặt khác, số lao động chưa qua đào tạo còn quá lớn, chất lượng nguồn lao động thấp, tốc độ phát triển kinh tế chậm, cơ chế chính sách giải quyết việc làm còn thiếu đồng bộ và chưa đủ mạnh... Vì vậy, sức ép về lao động và việc làm vẫn còn là vấn đề bức xúc và khó khăn đối với huyện Điện Biên Đông.

Để nhanh chóng giảm được sức ép về lao động và việc làm, phát huy thế mạnh về dân số và tiềm năng phát triển kinh tế của huyện hướng vào sử dụng có hiệu quả nguồn lực lao động khu vực nông thôn đòi hỏi cấp ủy đảng, chính quyền cấp huyện, cấp xã phải áp dụng đồng bộ hệ thống các chính sách, giải pháp trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.Trước mắt cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp như sau:

Triển khai thực hiện việc quy hoạch, phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực huyện Điện Biên Đông trong giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu về định hướng phát triển kinh tế, chuyển đổi mục đích cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, các đơn vị. Huyện cần có những ký kết về tuyển dụng lao động, bố trí việc làm sau đào tạo và lao động phục vụ cho mục đích xuất khẩu lao động.

Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết giữa cơ sở sử dụng lao động và cơ sở đào tạo. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Ưu tiên đào tạo nghề trong nông thôn gắn với giải quyết việc làm, chuyển dịch lao động nông thôn hoạt động công nghiệp gắn sản xuất sản phẩm nông nghiệp với các sản phẩm phục vụ cho công nghiệp chế biến từ nông nghiệp.

Đẩy mạnh việc ứng dụng các đề tài nghiên cứu tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên địa bàn, chuyển giao các công nghệ sản xuất tiên tiến, nhân rộng các mô hình ứng dụng đạt hiệu quả trong sản xuất nông, lâm nghiệp.Trong đó cần chú ý:

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+Mạnh dạn thử nghiệm, triển khai các loại cây trồng mới có hiệu quả, giá trị kinh tế cao để triển khai thực hiện trên địa bàn như cây sâm ngọc linh, cây mắc ca, cây cà phê, cây sa nhân... để tạo diện mạo mới cho nông nghiệp, công nghiệp và hoạt động dịch vụ trên địa bàn.

+ Tập trung hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân, có các cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ kinh tế tư nhân, đặc biệt với các mô hình có khả năng giải quyết được nhiều việc làm.

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, khai thác các thị trường có thu nhập cao để đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng.

+ Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường sức lao động.

+ Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý nhà nước đối với vấn đề giải quyết việc làm, ưu tiên giải quyết việc làm với lao động khu vực nông thôn.

+ Đẩy mạnh quá trình liên kết,phối hợp phát triển vùng giữa huyện Điện Biên Đông với các địa phương trong vùng, liên kết trong công tác hỗ trợ kết nối thị trường lao động giữa huyện Điện Biên Đông với các tập đoàn kinh tế lớn có sử dụng nhiều lao động như: tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản việt nam, cụ thể là các công ty thành viên; liên kết với các công ty sam sung, các công ty trong ngành may mặc...để hỗ trợ, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Những giải pháp trọng yếu trên vừa có ý nghĩa thực tiễn trước mắt, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài nhằm giải quyết có hiệu quả vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn, trong công tácxóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống của nhân dân. Hướng đếnmục tiêu xây dựng huyện Điện Biên Đông trở thành huyện có nền kinh tế thoát ra khỏi huyện nghèo, từng bước phát triển bền vững theo kịp với các huyện vùng đồng bằng, người dân ngày có mức sống cao hơn.

KHUYẾN NGHỊ

1.Đối với Trung ương và tỉnh Điện Biên

Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nhiệp đăng ký kinh doanh mới, chính sách hỗ trợ về thuế, tạo điều kiệncho thuê đất để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, nhà máy tại khu vực miền núi, nhất là đối với những khu vực xã, huyện 135 để thu hút các nhà đầu tư về đầu tư các nhà máy, khu sản xuất, chế xuất để khai thác tốt các lợi thế về nguyên vật liệu, nhân công giá dẻ tại địa phương và tạo công ăn, việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội củng cố vững chắc thế trận an ninh, quốc phòng toàn dân, bảo vệ tổ quốc.

Đối với trung ương cần ưu tiên hơn nữa về nguồn vốn để đầu tư về cơ sở, hạ tầng cho khu vực miền núi, nguồn vốn hỗ trợ phát triển kinh tế - xã

hội cho các huyện nghèo góp phần thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa khu vực miền núi và đồng bằng. Hàng năm cần bố trí nguồn ngân sách đảm bảo phục vụ nhiệm vụ cho vay vốn giải quyết việc làm theo quỹ quốc gia giải quyết việc làm cũng như các nguồn vốn hỗ trợ cho vay khác để tạo điều kiện cho người lao động, doanh nghiệp có thể tiếp cận được nguồn vốn phát triển kinh tế, tạo ra việc làm cho lao động khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở ra các thị trường mới có thu nhập cao, chính trị ổn định để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trong thời gian tới đề nghị trung ương, tỉnh có cơ chế, chính sách, hỗ trợ về biên chế cho cấp huyện, cho phép thành lập trung tập dịch vụ việc làm cấp huyện để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kết nối thông tin thị trường cung – cầu lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn. Hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có một trung tâm giới thiệu việc làm nên mức độ bao phủ còn hạn chế, người lao động ở các huyện cách xã thành phố rất khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin về thị trường lao động.

2. Đối với cấp huyện

Cần có sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng, chính quyền và huy động sự tham gia tích cực của các ban, ngành, đoàn thể và người dân trong việc thực hiện các chính sách, các nội dung liên quan đến giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn.

Đảng ủy, chính quyền huyện với vai trò lãnh đạo, cần năng động, tích cực phối trong công tác giải quyết việc làm dưới các hình thức kết nghĩa, phối hợp với các địa phương, các doanh nghiệp, khu công nghiệp sử dụng nhiều lao động để tạo ra cơ chế thuận lợi giúp người lao động của địa phương có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm.

Trong nhiệm kỳ đại hội đảng bộ huyện khóa VI nhiệm kỳ 2020-2025, Ban chấp hành đảng bộ huyện cần ban hành Nghị quyết lãnh đạo về công tác giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn nói chung và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nói riêng để huy động cả hệ thống chính trị trên địa bàn huyện vào cuộc thực hiện nhiệm vụ giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở nguồn vốn được tỉnh giao hàng năm cũng như nguồn thu ngân sách thu trên địa bàn, hàng năm cần bố trí đảm bảo nguồn vốn để phục vụ nhiệm vụ hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn nói chung và hỗ trợ cho lao động nông thôn nói riêng.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn lao động, chiến lực giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2020-2025 và hướng đến năm 2030 trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phươngđể nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn. Xây dựng các chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp về đầu tư trên địa bàn huyện để giải quyết việc làm cho người lao động.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Bài viết thị trường lao động Việt Nam: Định hướng và phát triển, của thạc sỹ Nguyễn Thị Lan Hương, Nsb, Lao động – xã hội, Hà nội, 2002.

2. Báo 5 năm đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2014-2018 của huyện Điện Biên Đông

3. Báo cáo điều tra lao - Việc làm từ Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Điện Biên Đông tháng 12/2018.

4. Báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2011, tổng cục thống kê, Hà Nội, 2012.

5. Báo cáo kết quả cho vay vốn của phòng Giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên Đông từ 2014-2018

6. Báo cáo kết thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo huyện Điện Biên Đông các năm từ 2014-2018.

7. Báo cáo kinh tế xã hội huyện Điện Biên Đông các năm 2014- 2018.

8. Báo cáo thống kê của Chi cục thống kê hoạch huyện Điện Biên Đông từ 2014-2018.

9. Báo cáo về kết quả điều tra cung, cầu lao động trên địa bàn huyện Điện Biên Đông của phòng Lao động – TB&XH các năm 2014-2018.

10. Báo cáo về lao động việc làm từ năm 2014-2018 của phòng Lao động – TB&XH huyện Điện Biên Đông.

11. Báo cáo về lĩnh vực tài chính của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện từ năm 2014-2018.

12. Báo cáo về xuất khẩu lao động của phòng Lao động – TB&XH huyện Điện Biên Đông từ 2014-2018.

13. Các giải pháp tài chính đối với vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam (2000) của tác giả Nguyễn Văn Dần. Tác giả đã nghiên cứu về vấn đề

việc làm, thất nghiệp và vai trò của tài chính đối với việc giải quyết việc làm của đất nước. Thực trạng và định hướng sử dụng các công cụ tài chính để giải quyết việc làm ở Việt Nam và kinh nghiệm về giải quyết việc làm của một số nước.

14.Đề tài sử dụng nguồn lao động và giải quyết việc làm ở Việt Nam của tác giải Trần Đình Hoan và Lê Mạnh Kha, Nxb. Sự thật, năm 1991, trên cơ sở làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn của vấn đề việc làm và giải quyết việc làm.

15. Kết quả điều tra về dân số, lao động việc làm của Chi cụ thống kê huyện năm 2010, 2015, 2018.

16. Luận án Tiến sỹ của tác giả Ngô Quỳnh An năm 2012 “Tăng cường khả năng tự tạo việc làm có thanh niên Việt Nam”

17. Luật lao động, 2012. Nơi xuất bản Thành phố Hà Nội

18. Nghị quyết số 07-NQ/HU năm 2016 của huyện Ủy Điện Biên Đông về phát triển ngành chăn nuôi trên địa bàn huyện Điện Biên Đông.

Mẫu 01

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG

KHU VỰC NÔNG THÔN

(Đối tượng: Dành cho lao động khu vực nông thôn)

1. Họ tên người được phỏng vấn:……..…..……

2. Địa chỉ:…….……..…….……

3. Tuổi:…….....; Dân tộc……..

4. Công việc đang làm hiện nay:…….…….…..

5. Trình độ học vấn:.....

6. Chuyên môn nghề:

+ Qua đào tạo nghề ; ra qua đào tạo nghề . ☐

+ Nghề đào tạo: Lĩnh vực nông nghiệp ☐ Nghề phi nông nghiệp ☐

7. Trong thời gian 7 ngày vừa qua anh chị có làm việc không: Có ☐ , Không ☐.

8. Số giờ làm việc bình quân/ngày: Từ 1-4 giờ ☐ừ 4,01-6 giờ ☐ 6,01 đến 8 giờ ; ☐n 8 giờ . ☐

9. Thu nhập bình quân hàng háng: Dới 1.000.000 ; tư ☐000.000 đến 2.000.000 ; từ 2.001.0☐ – 5.000.000 ; trên 5.000.0☐ . ☐

10. Trong thời gian qua anh(chị) có được tuyên truyền về các chương trình tuyển dụng lao động, hỗ trợ về giải quyết việc làm không? Có ☐Không .☐

11. Trong thời gian tới anh (chị) có nguyện vọng được đào tạo nghề không?

Có ☐, không ☐

Ngành nghề có nhu cầu đào tạo: Công nghiệp ☐, Nông nghiệp ☐, dịch vụ ☐.

12. Trong thời gian tới, anh(chi) có nhu cầu hỗ trợ việc làm không?

+ Có ☐; không ☐

+ Nguyện vọng được hỗ trợ là gì? Hỗ trợ vay vốn ☐; hỗ trợ đưa đi làm việc cho các doanh nghiệp; ☐ trợ đưa đi xuất khẩu lao động ☐

Ngoài những thông tin và ý kiến trên, Anh (chị) còn có mong muốn hay nguyện vọng gì khác?.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh (Chị)!

Mẫu: 02

PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Dành cho người sử dụng lao động trên địa bàn huyện)

Họ tên người được phỏng.....

Đơn vị công tác.....

1. Đánh giá của đồng chí về công tác tuyên truyền pháp luật liên quan đến vấn đề lao động, việc làm trên địa bàn hiện nay như thế nào?

a. Đã được quan tâm ☐

b. Chưa được quan tâm ☐

c. Có quan tâm nhưng chưa thường xuyên ☐

** Nếu chưa được quan tâm theo đồng chí nguyên nhân nào ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động tuyên truyền cho CNLĐ trên địa bàn?(Có thể lựa chọn nhiều ý trả lời)*

a.Kinh phí hoạt động còn hạn chế ☐

b.Đội ngũ cán bộ CĐCS chưa năng động ☐

c.Hình thức tuyên truyền chưa phù hợp ☐

d.Thiếu sự vào cuộc của các cấp, các ngành ☐

g.Thiếu sự chỉ đạo của cấp ủy ☐

h.Do chủ sử dụng chưa tạo điều kiện ☐

i.Thái độ của CNLĐ chưa quan tâm ☐

- Các yếu tố khác:……...……....……

.....

.....

2. Quan điểm của ông (bà) về chất lượng của người lao động trên địa bàn huyện đang làm việc tại công ty (doanh nghiệp) như thế nào?

- Đáp ứng tốt công việc ☐
- Chưa đáp ứng được công việc ☐
- Cần phải đào tạo lại ☐

3. Hiểu biết của ông/ bà về pháp luật lao động qua những nguồn thông tin nào dưới đây?

a. Qua các phương tiện thông tin đại chúng ☐

b. Qua các văn bản chỉ đạo các cấp ☐

c.Thông tin khác ☐

d. Chưa nghe và thấy bao giờ ☐

4. Theo ông/bà ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động tốt hay chưa tốt *(Có thể chọn nhiều ý trả lời)*

a. Rất tốt ☐

b. Tốt ☐

c. Chưa tốt ☐

5. Ông/bà đánh giá như thế nào về chủ trương, Nghị quyết của cấp ủy về việc công tác giải quyết việc làm cho người lao động trên đian bàn huyện?

a. Rất quan tâm, tạo điều kiện ☐

b. Quan tâm, tạo điều kiện ☐

c. Chưa quan tâm ☐

d. Khó trả lời ☐

6. Theo ông/bà để làm tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động chính quyền các cấp cần phải làm gi?

a. Làm tốt công tác xã hội hóa, huy động sự tham gia, phối hợp, tạo điều kiện của các ngành có liên quan ☐

b.Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền ☐

c.Sự năng động của người lao động ☐

d. Sự lãnh chỉ đạo của cấp ủy Đảng ☐

e. Sự lãnh đạo của tổ chức Công đoàn ☐

7. Để doanh nghiệp phát triển trong thời gian tới, doanh nghiệp cần chính quyền huyện hỗ trợ về nội dung nào?

+ Hỗ trợ vốn ☐

+ Tạo cơ chến chính sách về thuế ☐

+ Hỗ trợ về mặt bằng để mở rộng sản xuất ☐

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà